

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THỰC  
PHẨM SAO  
TA

Digitally signed by CÔNG TY CỔ  
PHẦN THỰC PHẨM SAO TA  
DN: C=VN, S=Sóc Trăng, L=TP  
Sóc Trăng, CN=CÔNG TY CỔ  
PHẦN THỰC PHẨM SAO TA,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=  
MST:2200208753  
Reason: I am the author of this  
document  
Location: your signing location  
here  
Date: 2022.04.11 16:04:22+07'00'  
Foxit Reader Version: 10.1.1

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA  
“FMC”

\*\*\*

THÁNG 04 NĂM 2022

---

## MỤC LỤC

	Trang
I. Thông tin chung	2 - 11
II. Tình hình hoạt động trong năm	11 - 26
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc	26 - 32
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị	32 - 35
V. Quản trị công ty	35 - 47
VI. Báo cáo tài chính	48

## I. THÔNG TIN CHUNG:

### 1. Thông tin khái quát:

Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta tiền thân là Doanh nghiệp nhà nước tên gọi Công ty thực phẩm xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng đi vào hoạt động ngày 3 tháng 2 năm 1996 với vốn ban đầu 21 tỷ đồng từ ban Tài chính quản trị Tỉnh ủy Sóc Trăng đầu tư, chuyên chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu. Nay công ty đang hoạt động theo địa chỉ sau:

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA**
- Tên tiếng Anh : **SAO TA FOODS JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **FIMEX VN**
- Biểu tượng công ty:



- Vốn điều lệ: **653.888.890.000 đồng**

*(Sáu trăm năm mươi ba tỉ tám trăm tám mươi tám triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng)*

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: tại ngày 31/12/2021 là 1.976.754.802.851 đồng
- Mã chứng khoán: **FMC**
- Trụ sở chính : **Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.**
- Điện thoại : **(0299)3822223 – 3822201; Fax:(0299)3822122 – 3825665**
- Website: **[www.fimexvn.com](http://www.fimexvn.com); Email: [info@fimexvn.com](mailto:info@fimexvn.com)**
- Giấy CNĐKKD: Số 2200208753(Số cũ 5903000012 đăng ký lần đầu 19/12/2002, số mới 2200208753 đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 12/01/2022 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp).

### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

✓ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

❖ Năm 2002

Ngày 09/10/2002, Ủy ban nhân dân Tỉnh Sóc Trăng có quyết định số 346/QĐ.TCCB.02 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty thực phẩm

---

XNK tổng hợp Sóc Trăng từ loại hình doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

❖ Năm 2003

Ngày 01/01/2003, Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần với tên công ty là: Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta (Fimex VN), hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19/12/2002 với Vốn điều lệ 104 tỷ đồng, trong đó nhà nước giữ 77% sở hữu. Ngày 22 tháng 11 năm 2003 công ty rút vốn điều lệ xuống 60 tỷ, phần vốn nhà nước còn 60%.

❖ Năm 2005

Ngày 09 tháng 08 năm 2005 công ty làm đầu giá 11% vốn điều lệ để giảm phần vốn nhà nước còn 49%.

❖ Năm 2006

22/06/2006 tại trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM) công ty tiếp tục đầu giá bán 16 tỉ đồng vốn sở hữu nhà nước. Ngày 7 tháng 12 năm 2006 cổ phiếu công ty được niêm yết lần đầu trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM với tên FMC với lượng 6 triệu cổ phiếu, trong đó phần nhà nước chiếm giữ 20%.

❖ Năm 2007

Công ty lại tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 79 tỷ đồng thông qua việc thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, thưởng cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của công ty và phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược. Ngày 20/07/2007, công ty tiếp tục niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu là 900.000 cổ phiếu.

❖ Năm 2008

Ngày 21/05/2008, cổ phiếu FMC chính thức được niêm yết bổ sung thêm cổ phiếu theo công văn chấp thuận số 447/TB-SGDHCM ngày 19/05/2008 của HOSE, nâng tổng số lượng cổ phiếu FMC được niêm yết tại HOSE là 7.900.000 cổ phiếu.

❖ Năm 2009

Để đáp ứng điều kiện vốn điều lệ tối thiểu 80 tỷ đồng đúng theo quy định để cổ phiếu FMC được tiếp tục niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), đến tháng 02/2009 công ty phát hành xong thêm 1 tỷ đồng cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 17,25%. Tháng

---

05/2009, cổ phiếu FMC chính thức niêm yết bổ sung 100.000 cổ phiếu, nâng tổng số 8.000.000 cổ phiếu được niêm yết tại HOSE, đáp ứng đủ điều kiện vốn điều lệ 80 tỷ đồng và tiếp tục niêm yết tại HOSE theo quy định của Luật Chứng khoán.

❖ Năm 2013

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường diễn ra ngày 10/11/2012, thời điểm cuối tháng 03/2013 Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 5.000.000 cổ phiếu cho đối tác chiến lược là Công ty cổ phần Hùng Vương, nâng vốn điều lệ công ty lên 130 tỉ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 10,62%. Tháng 04/2013, cổ phiếu FMC tiếp tục niêm yết bổ sung 5.000.000 cổ phiếu, nâng tổng số niêm yết lên 13.000.000 cổ phiếu.

❖ Năm 2014

Công ty đã phát hành thành công 7 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ công ty từ 130 tỷ lên thành 200 tỷ đồng. Việc phát hành này đã thực hiện xong tại thời điểm 31/12/2014.

❖ Năm 2015

Nhận thấy tình hình nuôi tôm đang phát triển, từ đầu năm 2015, FMC đưa thêm nhà máy chế biến tôm đông lạnh mới xây xong vào hoạt động, tăng công suất chế biến thêm 60%. Tháng 03/2015, công ty đã hoàn thành việc niêm yết và lưu ký bổ sung đối với 7 triệu cổ phiếu vừa phát hành trong năm 2014.

❖ Năm 2016

Thực hiện theo Nghị quyết số 13/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015, công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu được mua 1 cổ phiếu mới) để tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ lên 300 tỷ đồng. Việc phát hành này hoàn thành trong tháng 04/2016. 10 triệu cổ phiếu mới phát hành xong được niêm yết và lưu ký bổ sung trong tháng 5/2016.

❖ Năm 2017

Theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 9.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn Điều lệ từ 300 tỷ lên 390 tỷ đồng.

❖ Năm 2018

Theo Nghị quyết số 16/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 1.200.000 cổ phiếu theo chương



trình lựa chọn cho người lao động năm 2018, nâng vốn Điều lệ từ 390 tỷ lên 402 tỷ đồng.

❖ Năm 2019

Thực hiện theo Nghị quyết số 17/NQ\_DHĐCĐ ngày 05/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 402 tỷ lên 490,44 tỷ đồng bằng việc hoàn thành đợt phát hành 8.040.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phát hành 804.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.

❖ Năm 2021

- Phát hành ra công chúng số lượng 9.806.000 cổ phiếu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 19/NQ\_DHĐCĐ ngày 18/10/2020, nâng vốn điều lệ của công ty lên 588.500.000.000 đồng;
- Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược số lượng 6.538.889 cổ phiếu theo Nghị quyết số 21/NQ\_DHĐCĐ ngày 11/11/2021 (lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), nâng vốn điều lệ công ty lên 653.888.890.000 đồng.

✓ Tình hình hoạt động:

- Qua thời gian hoạt động từ năm 1996 đến nay công ty làm ăn đều tốt, có lãi. Ngay năm hoạt động thứ 2 công ty đã thu hồi vốn đầu tư ban đầu và đứng vào top 5 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu tôm lớn nhất nước kéo dài từ 1997 đến nay. Nhiều năm liền công ty dẫn đầu cả nước về lượng tôm tinh chế xuất vào Nhật Bản.
- Về mặt uy tín thương hiệu và hiệu quả sản xuất kinh doanh: công ty nằm trong top dẫn đầu, 8 năm liền 1997-2004 và năm 2006 công ty được Chính phủ tặng thưởng Cờ Thi đua, nhiều năm liền công ty đạt doanh nghiệp uy tín xuất khẩu.
- FMC có vùng nuôi tôm riêng rộng 250 hecta, đạt chuẩn BAP, ASC tạo thêm an tâm về tôm sạch tới khách hàng.
- Năm 2019, Công ty Đầu tư mở rộng diện tích nuôi tôm tại khu đất kế bên khu nuôi tôm TaNa Farm tại xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Khu nuôi mới này có diện tích hơn 81 hecta. Công trình này dự kiến hoàn thành và bắt đầu thả nuôi vào quý 2/2020. Đồng thời đó, Công ty cũng đầu tư kho lạnh 6000 tấn tại Khu Công nghiệp An Nghiệp tỉnh Sóc Trăng và công trình này dự kiến cũng đưa vào hoạt động trong quý 2 năm 2020.
- Với thành tích hơn 20 năm hoạt động hiệu quả cao, công ty đã được Chính phủ 9 lần tặng thưởng cờ thi đua, danh hiệu Anh hùng lao động, Huân chương lao động hạng I, II, III,... ; gần đây doanh nghiệp đạt danh hiệu phát triển bền



vững năm 2019, 2020.

✓ Các sự kiện khác:

Trong năm 2011, công ty đã thực hiện đăng ký với Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM về việc bán 777.370 cổ phiếu quỹ để có nguồn phục vụ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên do giá cổ phiếu FMC trên thị trường chứng khoán không đạt theo yêu cầu mong đợi nên không có giao dịch. Đến năm 2014, công ty mới bán hết lượng cổ phiếu quỹ.

Năm 2017, công ty đã hoàn thành việc xây dựng cơ bản Nhà máy thủy sản Tin An và đang cho tiến hành chạy thử. Kể từ ngày 01/01/2018, Nhà máy này đã chính thức đưa vào hoạt động.

Năm 2019, nhằm hoàn thiện mô hình tổ chức, nâng cao vai trò các đơn vị trực thuộc có quy mô lớn, Công ty đã thành lập các chi nhánh trực thuộc như sau:

- Nhà máy Thủy sản Nam An tại trụ sở chính của công ty trên nền tảng nhân lực và vật lực hiện có tại trụ sở chính của công ty. Chi nhánh có chức năng thu mua, chế biến các mặt hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu.

- Xí nghiệp nuôi Thủy sản Xuân Phú tại thửa số 1, bản đồ số 13 tại ấp Tân Nam, xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Chức năng của chi nhánh này là thử nghiệm các giải pháp nuôi thủy sản an toàn, bền vững, hiệu quả.

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

+ Ngành nghề kinh doanh:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế;
- Gieo trồng, sản xuất, xuất khẩu và tiêu thụ nội địa hàng nông sản;

+ Địa bàn kinh doanh:

Hai mảng sản xuất kinh doanh chính của công ty là mặt hàng tôm đông lạnh và nông sản xuất khẩu hoạt động chủ yếu tại địa bàn tỉnh Sóc Trăng bao gồm cả các chi nhánh trực thuộc như sau:

- Xí nghiệp thủy sản Sao Ta. Địa chỉ: Đường N1, Lô B Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng

- Nhà máy thực phẩm An San. Địa chỉ: Đường N2, Lô B Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng

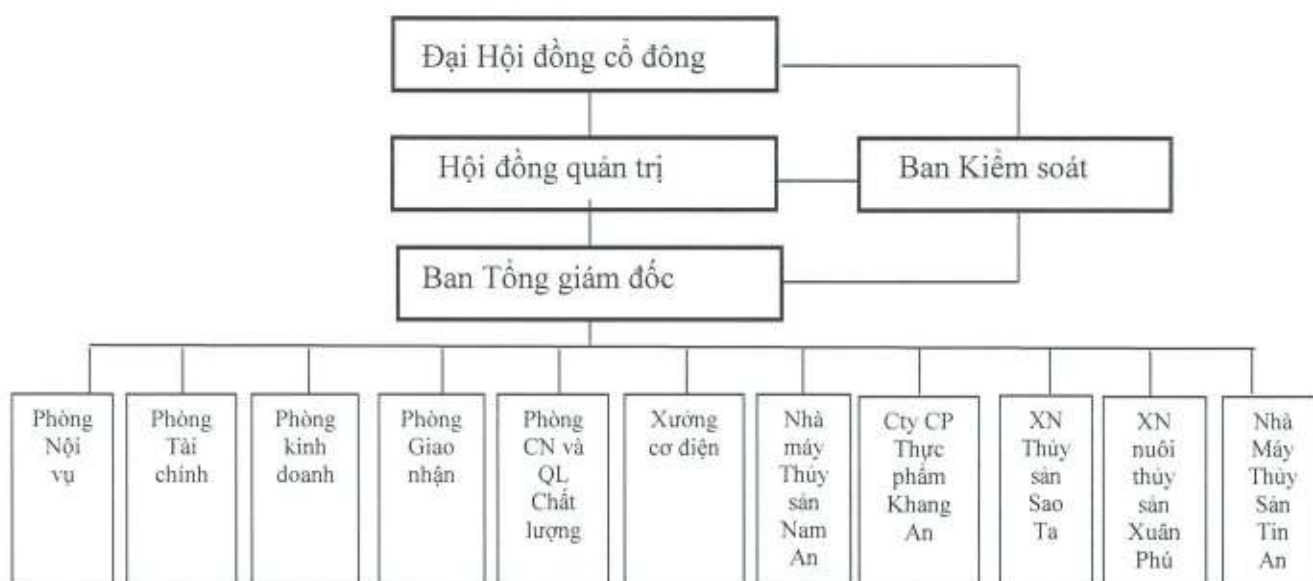
- Nhà máy thủy sản Tin An. Địa chỉ: Lô N, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng

- Nhà máy Thủy sản Nam An. Địa chỉ: Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

- Xi nghiệp nuôi Thủy sản Xuân Phú. Địa chỉ: tại thửa số 1, bản đồ số 13 tại Ấp Tân Nam, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng.

#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

##### 4.1 Mô hình quản trị: (Mô hình 1 theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp)



##### 4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS).

###### a) Hội đồng quản trị

HĐQT gồm có 05 thành viên trong đó 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 Thành viên. HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

###### b) Ban Kiểm soát

Là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành công ty. Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên: 01 Trưởng ban và 02 Thành viên.



*c) Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng*

Ban Tổng giám đốc gồm 06 thành viên (Tổng giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc), 01 kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc công ty là người đại diện pháp nhân của công ty trong mọi giao dịch, quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về trách nhiệm quản lý điều hành công ty. Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng công ty là người giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty theo sự phân công.

*d) Các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc*

Các phòng ban chức năng hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty được vận hành tốt. Công ty gồm có các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc như sau: Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Giao nhận, Phòng Công nghệ và Quản lý chất lượng, Xưởng Cơ điện, Xưởng chế biến, Xí nghiệp Thủy sản Sao Ta, Nhà máy Thủy sản Tin An, Nhà máy Thủy sản Nam An, Xí nghiệp Nuôi thủy sản Xuân Phú.

*e) Công ty con, công ty liên kết:*

- Công ty Con: Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An

*Địa chỉ:* Đường N2, Lô B Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

*Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:*

- Nuôi trồng, chế biến thủy sản;
- Gieo trồng, chế biến nông sản.

*Vốn điều lệ:* 350.000.000.000 đồng

*Tỉ lệ Công ty sở hữu :* 51,54% trên Vốn điều lệ

- Công ty liên kết: Không có

**5. Định hướng phát triển:**

**+ Các mục tiêu chủ yếu của công ty:**

- *Mục tiêu chiến lược: Góp phần ngày càng đáng kể trong chuỗi giá trị tạo ra nguồn thực phẩm ngon, bổ dưỡng; tác động kích thích các khâu có liên quan như nuôi, gieo trồng, khai thác, bảo quản sau thu hoạch, dịch vụ... làm tăng việc làm, tăng của cải xã hội. Giữ vững uy tín thương hiệu, chất lượng sản phẩm, mở rộng sản xuất chiều rộng lẫn chiều sâu, mở rộng chủng loại sản phẩm với giá cạnh tranh..*

- *Mục tiêu cụ thể:*

- *Địa chỉ tin cậy, yêu chuộng của người tiêu dùng;*

- Bảo tồn và phát triển nguồn vốn trên nền tảng đạt tỉ suất lợi nhuận khoảng 4% doanh thu;
- Tăng trưởng trung bình 10% năm;
- Trong Top 3 những nhà xuất khẩu tôm Việt lớn nhất.

**+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Nâng cao sự chủ động nguyên liệu sạch; xác định mặt hàng chiến lược từng giai đoạn và hoàn thiện cơ sở vật chất cho các mặt hàng này trên cơ sở nhu cầu thị trường và thế mạnh của công ty, của địa phương; lấy vệ sinh an toàn thực phẩm là tiêu chí hàng đầu để dẫn dắt các hành động còn lại; lấy chất lượng sản phẩm làm tiêu chí cao nhất để phấn đấu nhằm tăng uy tín thương hiệu, tăng sức cạnh tranh ở tất cả thị trường thâm nhập, chủ yếu là các hệ thống phân phối cấp cao. Chú trọng chăm lo người lao động. Xây dựng, củng cố các giá trị cốt lõi văn hóa doanh nghiệp; giữ vững đạo đức kinh doanh; chủ động từng bước xây dựng thương hiệu hai sản phẩm tôm và nông sản; chú trọng bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và chia sẻ với cộng đồng, xã hội. Có những chính sách mạnh mẽ hơn giữ chân, thu hút người có năng lực cao và khuyến khích họ tích cực hơn nữa trong công việc.

**+ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:**

Đây cũng là mục tiêu chủ yếu, đồng thời là chiến lược phát triển trung và dài hạn như đã nêu trên, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng và hợp pháp cho người lao động và các cổ đông.

**6. Các rủi ro:**

*a) Rủi ro tỉ giá*

Doanh thu tiêu thụ của công ty chủ yếu là xuất khẩu (chiếm trên 95% tổng doanh thu). Đồng tiền sử dụng cho xuất khẩu là Đô la Mỹ. Nếu cặp tỉ giá USD/VND biến động tăng/giảm đều ảnh hưởng đến doanh thu tiêu thụ, ảnh hưởng lợi nhuận của công ty.

*b) Rủi ro lãi suất*

Nguồn tài trợ vốn lưu động của công ty chủ yếu vay ngắn hạn ngân hàng. Khi thị trường tiền tệ biến động, mặt bằng lãi suất vay biến động sẽ tác động đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

*a) Rủi ro luật pháp*

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với lĩnh vực kinh doanh nuôi trồng, thu mua chế biến và xuất khẩu nông thủy hải sản xuất khẩu đông lạnh chịu sự ảnh hưởng bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thủy sản,

Luật Thương mại,... và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Hệ thống pháp luật về kinh doanh trong lĩnh vực này hiện nay nhìn chung còn chưa thực sự nhất quán và ổn định, vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chông chéo, việc áp dụng các văn bản pháp luật vào thực tế còn nhiều bất cập. Ngoài ra với đặc thù là doanh nghiệp xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường Nhật Bản, Mỹ, EU và Hàn Quốc, hoạt động kinh doanh của công ty chịu ảnh hưởng của các chính sách, pháp luật và các quy định khác do chính phủ của các quốc gia này ban hành.

*b) Rủi ro đặc thù*

**Rủi ro về thị trường tiêu thụ:** Các thị trường tiêu thụ chính của Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta là Nhật Bản, Hoa Kỳ và EU - đây là những thị trường khó tính với những quy định, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm đòi hỏi Công ty luôn chú trọng đầu tư về công nghệ, dây chuyền cũng như quy trình để có thể sản xuất sản phẩm đáp ứng những tiêu chí trên. Mặc dù, công ty luôn chú trọng các tiêu chuẩn nhưng lại phụ thuộc rất nhiều vào chính sách của bên nhập khẩu, nếu có sự thay đổi từ bên nhập khẩu sẽ khiến cho công ty rơi vào thế bị động, tăng thêm chi phí sửa đổi, thay đổi quy trình.

**Rủi ro cạnh tranh:** Ngành thủy sản ở Việt Nam có hàng trăm doanh nghiệp nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu tuy nhiên việc đầu tư thấp, dàn trải và không đồng bộ, có nhiều công ty nhỏ lẻ bán giá thấp kèm theo chất lượng sản phẩm thấp đã làm cho mặt bằng giá thị trường không ổn định ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Ngoài ra, thương lái Trung Quốc luôn cạnh tranh với công ty trong việc thu mua tôm nguyên liệu, khiến giá tôm bị đẩy lên cao cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của công ty.

**Rủi ro về các yếu tố đầu vào:** Nguồn nguyên liệu chủ yếu của công ty là tôm, do đó các biến động liên quan đến nguyên liệu đầu vào đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như: thời tiết, môi trường nuôi trồng, nguồn nước, chất lượng con giống, công nghệ nuôi, thức ăn, dịch bệnh... Để đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất với chi phí hợp lý, công ty luôn chuẩn bị kế hoạch thu mua tôm nguyên liệu chi tiết, liên kết, phối hợp chặt chẽ với nguồn nuôi để đảm bảo nguồn dự trữ và tồn kho hợp lý, đồng thời tự triển khai phát triển vùng nuôi tôm để chủ động một phần nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

*c) Rủi ro biến động giá cổ phiếu*

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh giúp đem lại nguồn vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của

công ty đồng thời khẳng định uy tín, tăng thanh khoản, công khai minh bạch hơn, góp phần quảng bá thương hiệu của Fimex VN đến với nhà đầu tư sâu và rộng hơn nữa. Tuy nhiên, giá chứng khoán được quyết định bởi nhiều yếu tố không chỉ do việc hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, mà còn bởi các yếu tố như tình hình kinh tế-xã hội-chính trị trong và ngoài nước, cung-cầu cổ phiếu, yếu tố tâm lý nhà đầu tư, ... Nếu có sự thay đổi của giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thương hiệu, giá trị và sự tin tưởng của nhà đầu tư vào công ty.

*d) Rủi ro khác*

Những rủi ro về môi trường như thiên tai, lũ lụt, hạn hán, chiến tranh, dịch họa, ... tuy xác suất xảy ra không lớn nhưng nếu phát sinh sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc hoạt động kinh doanh của công ty và gây tổn thất nghiêm trọng.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	% 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	2.699.783	1.711.162	157,77
2	Doanh thu thuần	5.199.105	4.415.217	117,75
3	Giá vốn hàng bán	4.669.821	3.985.522	117,17
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	285.772	236.136	121,02
5	Lợi nhuận khác	3.191	391	
6	Lợi nhuận trước thuế	288.962	236.527	122,17
7	Lợi nhuận sau thuế	287.089	225.963	127,05
8	Tỷ lệ cổ tức	20%	20%	100

(Nguồn : Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2021 và tham khảo báo cáo của Tổng giám đốc được nêu tại mục III báo cáo này)

- Tình hình thực hiện kế hoạch:

Đơn vị tính : Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	% 2021 Kế hoạch
1	Tổng doanh thu bán hàng	4.650.000	4.433.234	5.204.375	111,92
2	Lợi nhuận trước thuế	250.000	236.527	288.962	115,58
3	Tỷ lệ cổ tức	20%	20%	20%	100,00

(Nguồn : Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2021 và tham khảo báo cáo của Tổng giám đốc được nêu tại mục III báo cáo này)

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### 2.1. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc	
2	Dương Ngọc Kim	P.Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ 01/01/2021
3	Mã Ích Hưng	P.Tổng Giám đốc	
4	Đình Văn Thới	P.Tổng Giám đốc	
5	Hoàng Thanh Vũ	P.Tổng Giám đốc	
6	Lê Ngọc Hương	P.Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm mới từ 01/07/2020
6	Tô Minh Chăng	Kế toán trưởng	

#### Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành :

#### *Ông Phạm Hoàng Việt – Phó Tổng giám đốc*

Giới tính	Nam
Ngày sinh	25/11/1964
Nơi sinh	tỉnh Hậu Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299)3822201/3822223

Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- Từ 1986–1992	Nhân viên phòng Kinh doanh – Đại lý Yamaha
- Từ 1992–1996	Sinh viên trường Đại học Quản trị kinh doanh
- Từ 1996–04/1997	Nhân viên Phòng XNK - Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEXVN)
- Từ 04/1997–2002	Trưởng phòng Thương mại Công ty Thực phẩm XNK TH Sóc Trăng
- Từ 2003–2004	Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 01/2005–08/2005	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2018 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	308.068

*Bà Dương Ngọc Kim – Phó Tổng giám đốc*

Giới tính	Nữ
Ngày sinh	18/08/1958
Nơi sinh	tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299)3822203
Trình độ học vấn	Đại học

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật, cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- Từ 1978–1986	Trưởng ca sản xuất tại Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
- Từ 1987–1992	Trưởng ca sản xuất tại Xí nghiệp Đông lạnh Cần Thơ (Cafatex)
- Từ 1992–1995	Phó Quản đốc Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 1996–1997	Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEXVN)
- Từ 1997–2003	Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 04/2007–10/2009	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 10/2009–31/12/2020	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	0

*Ông Mã Ích Hưng – Phó Tổng giám đốc*

Giới tính	Nam
Ngày sinh	11/02/1970
Nơi sinh	phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Hoa
Điện thoại liên lạc	(0299)3822223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	

- Từ 02/1992–01/1996	Công nhân Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
- Từ 02/1996–07/1997	Công nhân Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
- Từ 08/1998–12/2002	Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 01/2003–12/2004	Quản đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 01/2005–05/2006	Thành viên Ban kiểm soát, Quản đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 06/2006–30/11/2008	Thành viên Ban kiểm soát, Trợ lý Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 12/2008 –06/2009	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 24/07/2009–16/04/2010	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 16/04/2010–Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	75.400

153  
Y  
H  
T  
T

*Ông Đinh Văn Thới – Phó Tổng Giám đốc*

Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/10/1962
Nơi sinh	huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299)3822223
Trình độ học vấn	Thạc sĩ
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác:	



Từ 1981–1986	Sinh viên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh
Từ 1987–1990	Cán bộ kỹ thuật Xưởng cơ khí Nông nghiệp I Hậu Giang, Phó quản đốc phân xưởng cơ khí Xi nghiệp cơ khí Sóc Trăng
Từ 1990-1992	Học ngành máy lạnh tại Trung tâm nghiên cứu thiết bị nhiệt và năng lượng mới – Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh
Từ 1996-12/2002	Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
Từ 01/2003-12/2004	Thành viên Ban Kiểm soát, Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 2005–30/11/2008	Thành viên Ban Kiểm soát, Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 01/12/2008–31/03/2010	Phó Giám đốc Nhà máy nông sản An San
Từ 01/04/2010–16/04/2010	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 16/04/2010–26/04/2013	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	144.572



*Ông Hoàng Thanh Vũ – Phó Tổng giám đốc*

Giới tính	Nam
Ngày sinh	26/02/1978
Nơi sinh	Mỏ Cà, Bến Tre
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299) 3822 223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chế biến thủy sản

Quá trình công tác:	
- Từ 05/2000–04/2001	Công nhân Công ty TNHH Kim Anh, tỉnh Sóc Trăng
- Từ 05/2001–06/2002	Công nhân Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 06/2002–12/2002	Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 01/2003–02/2005	Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 03/2005–04/2010	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2010–04/2013	Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2013–04/2015	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2015–nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	7



---

**Bà LÊ NGỌC HƯƠNG – Phó Tổng giám đốc**

- Họ và tên: LÊ NGỌC HƯƠNG
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 19/12/1971
- Nơi sinh: Thốt nốt, Cần Thơ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 342 Khu vực Lân Thạnh 1, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
- Số chứng minh nhân dân: 361325745
- Điện thoại liên hệ: (0299) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế biến Thủy sản
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
  - Từ 1996 đến 1998: Thống kê XCB tại Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
  - Từ 1998 đến 1999: KCS XCB tại Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
  - Từ 1999 đến 2001: Phó ca SX Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
  - Từ 2001 đến 2003: Trưởng khâu Tầm bột Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
  - Từ 2003 đến 2006: Phó Quản đốc XCB CTCP Thực phẩm Sao Ta
  - Từ 2006 đến 2019: Quản đốc XCB CTCP Thực phẩm Sao Ta
  - Từ 2019 đến 06/2020: Giám đốc nhà máy Nam An CTCP Thực phẩm Sao Ta
  - Từ 07/2020 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ

*Ông Tô Minh Chăng – Kế toán trưởng*

Giới tính	Nam
Ngày sinh	12/06/1970
Nơi sinh	xã Hòa Đông, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299)3822223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác:	
Từ 02/1994–09/1997	Nhân viên kế toán Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
Từ 01/2003–05/2003	Nhân viên kế toán, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 06/2003–12/2004	Nhân viên kế toán, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 01/2005–31/07/2006	Kế toán tổng hợp, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 01/08/2006–17/08/2006	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 18/08/2006–nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	8.764

18/08/2021  
 TỶ  
 PH  
 1.

## 2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Kể từ ngày 01/01/2021, bà Dương Ngọc Kim được miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc.

## 2.3. Số lượng cán bộ, công nhân viên: Tại ngày 31/12/2021

Tổng số người lao động: 4.319 người

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>4319</b>	<b>100.00</b>
1	Trình độ trên Đại học	9	0.21
2	Trình độ Đại học & Cao đẳng	444	10.28
3	Trình độ Trung cấp	191	4.42
4	Công nhân kỹ thuật	22	0.51
5	Lao động phổ thông	3653	84.58
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>4319</b>	<b>100.00</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	1957	45.31
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	60	1.39
3	Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm	2302	53.30
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>4319</b>	<b>100.00</b>
1	Nam	1637	37.90
2	Nữ	2682	62.10

## Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện công việc đòi hỏi mà các đội có thể thay đổi thời giờ làm việc trong ngày cho phù hợp hoặc làm thêm giờ nhưng phải bảo đảm số giờ tiêu chuẩn của ngày làm việc do công ty quy định.

Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12, 14 hoặc 16 ngày/năm tùy theo điều kiện làm việc. Nếu chưa đủ 12 tháng thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính tương ứng với số tháng làm việc trong năm. Công ty sẽ tăng số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian làm việc của nhân viên, cứ mỗi 5 năm làm việc sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

Ngoài ra, hàng năm, tất cả nhân viên của công ty đều được nghỉ lễ 8 ngày/năm. Nếu những ngày này trùng với những ngày nghỉ khác, thì nhân viên được nghỉ bù vào ngày tiếp theo.

### **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

Tuyển dụng nhân sự mới theo quy trình được thiết lập để đảm bảo nhân viên mới có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với công ty. Trong dài hạn, công ty ưu tiên nguồn nhân lực ở địa phương vì có tính ổn định và chất lượng khá cao.

Công ty đảm bảo toàn bộ nhân viên được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn, thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng, chuyên môn cần thiết được thực hiện tại công ty hoặc đào tạo các khóa học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của công ty được lập từ đầu năm.

Bên cạnh đó, công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo như: phổ biến nội quy quy định của công ty, đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng như: HACCP, OHSAS 18001, ISO 9001-2008, ISO 14001-2004...

Ngoài ra, công ty còn thuê các chuyên gia đến công ty trực tiếp đào tạo, hay gửi công nhân đi tham dự các khóa học chuyên ngành...

Để thực hiện tốt công tác đào tạo, công ty và người lao động thỏa thuận cam kết về nghĩa vụ và quyền lợi của hai bên trong quá trình học tập, khả năng công tác và thời gian phục vụ công ty sau khi học tập.

### **Lương, thưởng, trợ cấp**

Để tạo sự công bằng, hiện nay công ty trả lương theo sản phẩm làm ra, không người lao động nào có thể dựa dẫm hoặc ăn theo người khác, từ đó tạo “đòn bẩy” về mặt kinh tế thúc đẩy sự hăng say trong công việc của mọi người lao động. Mức thu nhập bình quân của người lao động trong công ty qua các năm được cải thiện đáng kể.

Hàng năm, công ty dùng một khoản tiền được trích từ lợi nhuận theo quy định để khen thưởng cho cán bộ công nhân viên của công ty. Chính sách khen thưởng của công ty là theo bình bầu xếp loại A, B, C hoặc theo mức lương trung bình năm.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### 3.1. Các khoản đầu tư lớn:

- *Tình hình phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:* Được nêu tại mục IV phần báo cáo của HĐQT;

- *Tình hình thực hiện các dự án đầu tư :*

(1) Dự án xây dựng Nhà máy thủy sản Tam An tại Khu công nghiệp An Nghiệp tỉnh Sóc Trăng: Dự án này do Công ty thành viên (Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An) thực hiện lấy từ nguồn vốn phát hành cổ phiếu. Thời gian hoàn thành dự án trong quý 1 năm 2022.

(2) Dự án xây dựng Nhà máy thủy sản Sao Ta cũng tại Khu công nghiệp An Nghiệp tỉnh Sóc Trăng: Dự án này do Công ty thực hiện lấy từ nguồn vốn phát hành cổ phiếu trong năm. Dự kiến thời gian hoàn thành dự án vào quý 3 năm 2022.

#### 3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

a) *Công ty con:*

Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An là đơn vị thành viên của công ty kể từ đầu năm 2021, được chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/01/2021 với vốn điều lệ ban đầu 234 tỉ và tăng lên 350 tỉ đồng ở giữa năm 2021 do phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Lĩnh vực kinh doanh chính của đơn vị này là kinh doanh mặt hàng thủy sản và nông sản đông lạnh xuất khẩu, có kim ngạch xuất khẩu năm 2021 là 54 triệu USD và lợi nhuận trước thuế 52 tỉ đồng, góp phần không nhỏ vào hiệu quả chung của toàn nhóm.

b) *Công ty liên kết:* Không

### 4. Tình hình tài chính:

4.1. **Tình hình tài chính:** Đã được nêu tại Mục II, Khoản 1 trong báo cáo này.

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,02	1,97
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,70	0,99

<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	0,27	0,37
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	0,37	0,58
<b>2. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	6,03	6,72
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	1,93	2,58
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,52	5,12
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	14,52	20,90
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	10,63	13,21
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,50	5,35
<b>5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần</b>			
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	4.677	4.007

(Nguồn : Báo cáo Tài chính hợp nhất 2021 đã được kiểm toán)

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến 31/12/2021:

### 5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 65.388.889 cổ phần. Trong đó:

- Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do: 58.850.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 6.538.889 cổ phần.

### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng (người)	Số lượng cổ phiếu	Số tiền theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước	1	1,656,000	16,560,000,000	2.53
2. Cổ đông là pháp nhân	70	55,017,428	550,174,280,000	84.14
3. Cổ đông là cá nhân	2,696	8,715,461	87,154,610,000	13.33
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,767</b>	<b>65,388,889</b>	<b>653,888,890,000</b>	<b>100.00</b>



Trong đó:

Cổ đông	Số lượng (người)	Số lượng cổ phiếu	Số tiền theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông lớn	3	49,055,511	490,555,110,000	75.02
- Pháp nhân	3	49,055,511	490,555,110,000	75.02
- Cá nhân	0	0	-	-
2. Cổ đông nước ngoài	204	21,218,411	212,184,110,000	32.45
- Pháp nhân	30	20,732,829	207,328,290,000	31.71
- Cá nhân	174	485,582	4,855,820,000	0.74

(Nguồn: Theo danh sách Trung tâm lưu ký chốt đến ngày 15/03/2022)

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của vốn chủ sở hữu:** Đã được trình bày tại khoản 2, mục I báo cáo này.

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không có

**5.5. Các chứng khoán khác:** không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:**

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: 26.334 tấn CO<sub>2</sub>
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM	
			2020	2021
1	NGUYÊN LIỆU CHÍNH	Tấn	24.537.34	30.818.76
2	BAO BÌ CÁC LOẠI	Cái	8.457.001.00	8.718.995.00
3	PE	Kg	543.750.00	483.138.40
4	PA	Cái	25.675.901.00	23.228.354.00

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Lượng thành phẩm tái chế sử dụng sản xuất ra sản phẩm khác cho năm 2021 là 16% , so với năm 2020 là 15%.

### 6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TỔNG CỘNG	
			NĂM 2020	NĂM 2021
1	ĐIỆN TRỰC TIẾP	KW	41.337.420.00	43.784.177.00
2	ĐIỆN GIÁN TIẾP	KW	115.390.00	300.610.00
3	DẦU DO	Lít	474.557.00	404.881.00
4	NH3	Kg	26.820.00	13.760.00

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Năng lượng chiếu sáng tiết kiệm được 49,1% thông qua sáng kiến thay thế đèn huỳnh quang 1,2m bằng đèn led 1,2m.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến.

Tổng số đèn huỳnh quang 1,2m sử dụng là: 6.080 bóng, tổng số đèn led 1,2m đã thay thế là 5.848 bóng, đạt 96.2%. Tổng số kWh tiết kiệm được tính đến ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 481.688 kWh tiết kiệm được 49,1% so với khi sử dụng đèn huỳnh quang 1,2m.

### 6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TỔNG CỘNG	
			NĂM 2020	NĂM 2021
1	NƯỚC TRỰC TIẾP	M <sup>3</sup>	906.679.00	908.957.00
2	NƯỚC GIÁN TIẾP	M <sup>3</sup>	22.010.00	23.370.50

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không có*

### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có

### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng người lao động: 4.319 người
- Mức lương trung bình: 9,7 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 năm 2 lần đối với người lao động làm việc tại khu vực sản xuất và khối văn phòng 01 năm/lần

- Công ty còn tổ chức cho đại đa số cán bộ công nhân viên đi tham quan và nghỉ mát sau một năm làm việc vất vả. Một số cá nhân xuất sắc được công ty đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Liên đoàn Lao động tỉnh Sóc Trăng cấp bằng khen, giấy khen...

- Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, ký kết hợp đồng lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Người lao động của công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi, được quy định trong thỏa ước lao động tập thể, được cơ quan chức năng thừa nhận.

- Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Bộ luật lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể, công ty cũng luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên, cụ thể:

- Xây dựng được 40 phòng ở trong khuôn viên của công ty, trang bị đầy đủ vật dụng cần thiết phục vụ cho việc ăn, ở nhằm thu hút lực lượng lao động có tay nghề từ các nơi đến làm việc, đồng thời cũng là tạo tư tưởng an tâm trong công tác cho cán bộ công nhân viên từ xa đến công ty làm việc.

- Trong mỗi Nhà máy, Xí nghiệp, Công ty đều có trang bị các căn tin, các phòng đọc sách, khu vui chơi giải trí cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Số giờ đào tạo nội bộ hàng năm của công ty 64.868 giờ /4.319 người lao động
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không có

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2021
1	Xây nhà tình nghĩa	Tr.Đồng	100
2	Quỹ khuyến học	Tr.Đồng	150
3	Quỹ vì người nghèo	Tr.Đồng	1,000
4	Đóng góp Quỹ COVID	Tr.Đồng	4,920
5	Phúc lợi khác	Tr.Đồng	769

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

##### 1.1 Đánh giá hình hoạt động 2021:

- Dịch Covid-19 tác động sâu sắc đến mọi khía cạnh nền kinh tế. Đợt dịch lần thứ 4 bùng phát trong quý III lây lan phức tạp, buộc phải thực hiện giãn cách xã hội ở tất cả các tỉnh thành phía Nam, làm gãy đổ cục bộ chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty (thông thường quý III là cao điểm sản xuất và giao hàng trong năm). Trong khoảng thời gian dịch bùng phát, Công ty phải tổ chức sản xuất 3 tại chỗ để đảm bảo không gián đoạn cung ứng hàng hóa cho khách hàng và ổn định thu nhập cho người lao động. Năng suất giảm thấp trong khi chi phí hoạt động tăng cao do phát sinh chi phí kiểm soát dịch bệnh thường xuyên và chi phí tổ chức sản xuất 3 tại chỗ. Cái được lớn nhất là uy tín, niềm tin về Sao Ta trong lòng khách hàng, đối tác, nhà cung cấp, người lao động nâng cao.

- Nhu cầu từ mảng dịch vụ nhà hàng ở các thị trường tiêu thụ tôm của Sao Ta giảm do giãn cách vì dịch bệnh, khiến số lượng đơn hàng từ mảng dịch vụ của Sao Ta bị giảm, tuy nhiên nhu cầu từ mảng bán lẻ tăng mạnh nên cũng nhanh chóng bù đắp đơn hàng.

- Cước phí vận chuyển container tăng rất cao vượt xa mức dự đoán, gây thiệt hại không nhỏ cho Sao Ta.

- Năm 2021 là năm khó khăn cho mảng kinh doanh chế biến tôm như nêu trên, nhưng lại là năm thành công cho mảng nuôi tôm của Sao Ta. Nhận định dịch bệnh Covid-19 có khả năng gây thiếu hụt nguồn cung ứng nguyên liệu tôm nên Sao Ta đã tranh thủ đẩy mạnh hoạt động thả nuôi tôm diện rộng trong bối cảnh dịch bệnh đang bùng phát ở địa phương. Sách lược này mang lại hiệu quả về lợi nhuận và duy trì cung ứng nguyên liệu cho hoạt động sản xuất cho công ty trong khi chuỗi cung ứng trong ngành bị đứt gãy cục bộ.

##### 1.2 Kết quả hoạt động năm tài chính 2021:

Diễn giải	ĐVT	Riêng	Hợp nhất	KH 2021	%
- Tôm TP chế biến	Tấn	16.059,42	22.945,49	21.000	109,26%
- Tôm TP tiêu thụ	Tấn	14.134,02	17.941,43	18.500	96,98%
- Nông sản chế biến	Tấn	N/A	1.115,07	1.500	74,3%
- Nông sản tiêu thụ	Tấn	N/A	1.592,20	1.500	106,1%
- Doanh số chung	Tr. USD	152,81	206,73	200	103,37%
- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	237	289	250	115,60%
- Cổ tức	%	20	N/A	20	100%

### Nhận xét

- Sản lượng tôm chế biến tăng mạnh. Nguyên nhân do giá tôm nguyên liệu tăng cao, kéo dài từ cuối năm 2020 đã kích thích người nuôi mạnh dạn đầu tư nuôi tôm, nguồn cung nguyên liệu dồi dào.

- Sản lượng tôm tiêu thụ tăng, do các tháng đầu năm 2021 Chính phủ đã kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19 nên hoạt động sản xuất được duy trì ổn định, đủ nguồn cung cho các hợp đồng đã ký.

- Nông sản không đạt về sản lượng chế biến do ảnh hưởng Covid nên không thể thu hoạch, vận chuyển nguyên liệu từ Tây nguyên. Tuy nhiên, tiêu thụ khá tốt do có hàng tồn kho đầu kỳ.

- Lợi nhuận chung tăng nhẹ do mảng nuôi tôm và chế biến nông sản đạt kết quả tốt.

## 2. Tình hình tài chính:

### 2.1. Tình hình tài sản:

Tình hình tài sản trong năm biến động như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2021	2020	Chênh lệch
01	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	<i>2.150.122</i>	<i>1.221.006</i>	<i>929.116</i>
	Trong đó:			
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	769.592	268.186	501.406
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.785	9.538	15.247
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	377.230	305.226	72.004
	- Hàng tồn kho	940.772	608.297	332.475
	- Tài sản ngắn hạn khác	37.742	29.759	7.983
02	<i>Tài sản dài hạn</i>	<i>549.661</i>	<i>490.155</i>	<i>59.506</i>
	Trong đó:			
	- Phải thu dài hạn	4.200	4.200	0
	- Tài sản cố định	262.969	307.818	(44.849)
	- Tài sản dở dang dài hạn	188.183	6.989	181.194
	- Tài sản dài hạn khác	94.309	171.148	(76.839)
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.699.783</b>	<b>1.711.162</b>	<b>988.621</b>

- Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu : (1) Tiền gửi ngân hàng ở thời điểm cuối năm; (2) Phải thu tăng do doanh số bán quý 4 tăng cao so cùng kỳ năm trước, cụ thể tăng

doanh số bán hàng tăng 19%; (3) Tồn kho các khoản hầu hết đều tăng như tồn kho thành phẩm, hàng gửi đi bán, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ ...

- Tài sản dài hạn cũng tăng, nguyên nhân chủ yếu tăng tài sản dở dang dài hạn do đang xây dựng dở dang Nhà máy thủy sản Tam An và Nhà máy thủy sản Sao Ta.

## 2.2. Tình hình nợ phải trả:

STT	Chi tiêu	2021	2020	Chênh lệch
01	<i>Nợ phải trả</i>	<i>723.028</i>	<i>630.014</i>	<i>93.014</i>
	- Nợ ngắn hạn	713.095	619.648	93.447
	- Nợ dài hạn	9.933	10.366	(433)

Nợ phải trả tăng chủ yếu là nợ phải trả ngắn hạn nhà cung cấp của Công ty thành viên và nợ quỹ lương người lao động tại thời điểm cuối năm chưa chi.

Về khả năng thanh toán nợ phải trả: công ty luôn đảm bảo thanh toán các khoản nợ phải trả vì hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn luôn lớn hơn 1.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Luôn có sự điều chỉnh kịp thời chiến lược kinh doanh và hệ thống giải pháp tương ứng nhất là trong bối cảnh môi trường kinh doanh đầy biến động, coi chiến lược kinh doanh là đòn bẩy, nền tảng xây dựng chiến lược các mặt hoạt động khác.

## 4. Kế hoạch phát triển tương lai:

### 4.1. Kế hoạch dự kiến năm 2022:

- **Đánh giá tình hình:**

- + **Cơ hội:**

- Nhu cầu về sản phẩm thủy sản nói chung, tôm nói riêng sẽ tăng khi dịch Covid-19 được kiểm soát ở các thị trường nhập khẩu. Sản phẩm tôm được ưa chuộng do bởi giá trị dinh dưỡng cao, dễ chế biến. Tôm sẽ còn nhiều dư địa phát triển.

- Covid-19 làm thay đổi tập quán thói quen của người tiêu dùng, xu hướng chuộng các sản phẩm tiện dụng chế biến sẵn (hàng ăn liền), đóng gói nhỏ. Xu thế này phù hợp với định hướng, năng lực chế biến và cũng là thế mạnh của Sao Ta.

- Nguồn cung nguyên liệu tôm sẽ tăng do công nghệ nuôi tôm ngày càng phát triển, người nuôi hiện nay cập nhật kỹ thuật nuôi tiên tiến cho năng suất cao, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong quá trình nuôi, nhiều mô hình nuôi khá thành công như CPF – Combine Model của Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt nam và nhiều mô hình khác. Diện tích nuôi tôm không ngừng được mở rộng, góp phần tăng nguồn cung ứng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

+ Thách thức :

- Đại dịch Covid-19 làm tổn thương chuỗi cung ứng toàn cầu. Hệ quả là sự gián đoạn và chi phí vận chuyển tăng rất cao. Nay căng thẳng Nga và Ukraina thêm tác động tiêu cực đến chuỗi cung ứng toàn cầu vốn đang rất mong manh và tăng thêm giá dầu, giá nguyên liệu đầu vào, ảnh hưởng chi phí sản xuất.

- Về nuôi tôm, khi đặt trong mối tương quan với các đối thủ cạnh tranh như Ấn Độ, Ecuador, Indonesia, Thái Lan, ... ngành nuôi tôm Việt Nam còn nhiều vấn đề phải quan tâm để giảm giá thành nuôi tôm, tăng sức cạnh tranh mà vẫn kiểm soát được chất lượng. Các nước này cũng có chính sách phát triển mạnh ngành tôm nên xu thế nguồn cung tôm thế giới sẽ tăng. Tôm Ecuador, Ấn Độ có lợi thế giá rẻ đang chiếm lĩnh nhiều thị trường quốc tế, tôm Indonesia không bị áp thuế ở thị trường Mỹ, tôm Thái Lan không bị kiểm tra nghiêm ngặt ở thị trường Nhật... tất cả tạo áp lực cạnh tranh gay gắt cho tôm Việt.

- Biến đổi khí hậu toàn cầu, ô nhiễm môi trường, xâm nhập mặn, dịch bệnh ngày càng khó lường, khó dự báo.

- Tình trạng chung là nuôi nhỏ lẻ, manh mún, tự phát dẫn đến hiệu quả thấp và chất lượng không ổn định, khó kiểm soát.

- Nuôi trồng và chế biến thủy sản là ngành lao động nặng nhọc, luôn thiếu hụt lao động. Cạnh tranh lao động trong ngành ngày càng khốc liệt.

• **Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2022:**

Diễn giải	ĐVT	Riêng	Hợp nhất
- Tôm TP chế biến	Tấn	17.600	25.000
- Tôm TP tiêu thụ	Tấn	15.000	20.000
- Nông sản chế biến	Tấn	N/A	2.200
- Nông sản tiêu thụ	Tấn	N/A	2.200
- Doanh số chung	Tr. USD	160	230
- Lợi nhuận trước thuế ít nhất	Tỷ đồng	250	320
- Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ ít nhất	Tỷ đồng	N/A	286
- Cổ tức ít nhất	%	20	N/A

**4.2. Giải pháp:**

- Nhân lực: Tiếp tục đào tạo đội ngũ kế thừa tinh chất hơn, thu hút và giữ chân người lao động thông qua hệ thống thù lao hấp dẫn và môi trường làm việc tốt, mang lại nhiều cơ hội phát triển, thăng tiến.

- Chú trọng tính phát triển bền vững. Xây dựng nền tảng cho sự phát triển bền vững bằng các giá trị văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh. Bên cạnh đó cũng luôn quan tâm thực hiện trách nhiệm xã hội.

- Tổ chức sản xuất: nghiên cứu và cải tiến thiết bị tự động hóa từng khâu trong quá trình chế biến để giải phóng sức lao động con người. Chú trọng chuyển đổi số những khâu, việc có thể nhằm tối ưu hóa sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; chú trọng cải tiến mẫu mã và phát triển thêm nhiều sản phẩm mới.

- Thị trường, sản phẩm: Coi trọng thị trường Nhật Bản và Hoa Kỳ, song song tìm giải pháp nâng cao thị phần ở EU, Hàn Quốc, Úc. Tập trung phát triển sản phẩm có hàm lượng chế biến cao, phân khúc thị trường cao cấp.
- Khách hàng: quan tâm xây dựng mối quan hệ tốt và giữ vững niềm tin với khách hàng hiện có, tìm thêm khách hàng mới.
- Mở rộng quy mô sản xuất: Nhà máy chế biến tôm mới của Sao Ta sẽ hoàn thành ở đầu quý III/2022.
- Nuôi tôm: Sao Ta sẽ đưa dự án 52 hecta đất nuôi tôm của KAF vào khai thác trong 6 tháng cuối năm 2022. Song song tiếp tục mở rộng vùng nuôi tối đa, hướng đến mục tiêu đạt trên 500 hecta nuôi tôm đến năm 2025.

5. **Giải trình của Ban Tổng giám đốc với ý kiến kiểm toán:** không có

6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

### 6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Bảo vệ môi trường là tiền đề để doanh nghiệp tồn tại và phát triển, công tác bảo vệ môi trường tốt hay kém, không chỉ ảnh hưởng đến hình tượng của doanh nghiệp, và hơn nữa ảnh hưởng đến sự sống còn và phát triển của doanh nghiệp. Chỉ khi bảo vệ tốt môi trường, doanh nghiệp mới có thể đi lên con đường phát triển liên tục. Với bối cảnh như vậy, FMC xem trọng song song việc tăng gia hiệu ích và bảo vệ môi trường và không ngừng tìm tòi một con đường mà việc bảo vệ môi trường và tăng gia hiệu ích cùng thắng.

Trong năm qua, FMC luôn chú trọng sử dụng nhiều biện pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường như: đầu tư các thiết bị xử lý nước thải, xử lý việc xả khí thải ra môi trường một cách hiệu quả, phân loại xử lý chất thải rắn, lồng nhằm đưa đi tái chế, đầu tư các trang thiết bị hiện đại giảm tiêu hao nhiên liệu. Áp dụng các quy chuẩn về môi trường, hợp vệ sinh, đúng pháp luật.

### 6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Người lao động là động lực phát triển của công ty, là người trực tiếp sử dụng những tư liệu lao động nhằm tạo ra giá trị, giúp guồng máy hoạt động một cách hiệu quả. Do đó, năng suất của công ty luôn phụ thuộc vào người lao động, muốn đạt năng suất cao thì phải tạo một môi trường thuận lợi, nâng cao đời sống nhân viên, hỗ trợ tinh thần.

FMC luôn chú trọng quan tâm đến đời sống tinh thần, chăm lo sức khỏe cho người lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cấp tiền bồi dưỡng, hỗ trợ người lao động khi ốm đau, bệnh tật, có chính sách nghỉ bệnh, tai nạn, ... nhằm hỗ trợ người lao động một cách tối đa có thể. Tổ chức các hoạt động giải trí nhân dịp



08/03, 20/10, lễ, Tết... Khuyến khích cho con em của người lao động học tập bằng cách phát quà cho những em có thành tích học tập tốt, tổ chức vui chơi, liên hoan cho các cháu nhân dịp Quốc tế thiếu nhi và Tết trung thu.

### **6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta luôn hướng tới chia sẻ sự khó khăn với những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, giúp họ có được điều kiện vật chất để trang trải cuộc sống, đồng thời giúp con em của họ được cấp sách đến trường. Tuy việc đóng góp giới hạn nhưng thể hiện trách nhiệm luôn quan tâm vì cộng đồng của doanh nghiệp, cũng là một sự đầu tư của doanh nghiệp vào địa phương về môi trường, nhân lực, vật lực, ... tiếp một phần nhỏ vào công cuộc xây dựng địa phương nói riêng và đất nước nói chung. Đất nước giàu mạnh, địa phương phát triển cũng là một thuận lợi đối với công ty.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY:**

### **1. Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty:**

#### **1.1 Tình hình 2021:**

Tác động từ Covid-19 đã khiến một số hoạch định bị đảo lộn. Đáng kể nhất là chi phí cước tàu biển đến các thị trường xa như Hoa Kỳ, EU và gần đây các thị trường gần như Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc đã tăng ngoài mức suy đoán, gây thiệt hại không nhỏ cho nhà cung ứng hàng xuất khẩu. Tình hình này có tác động đến việc hoạch định thị trường tiêu thụ của Sao Ta.

Mãng nhu cầu từ dịch vụ trong năm không thể phục hồi vì giãn cách, khiến Sao Ta có mất một số đơn hàng, nhưng đã nhanh chóng bù đắp bằng đơn hàng từ mảng bán lẻ. Chi phí giai đoạn dịch bệnh bùng phát khá lớn đã có ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả chung của Sao Ta.

#### **1.2 Các hoạt động lớn 2021:**

- Hình thành thêm doanh nghiệp thành viên là Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An (KAF) có trụ sở chính tại khu Công nghiệp An Nghiệp thuộc tỉnh Sóc Trăng.

- Hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020, số 19/NQ\_ĐHĐCĐ ngày 18/10/2020, nâng vốn điều lệ công ty từ 490,44 tỉ lên 588,5 tỉ đồng.

- Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược là Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam (CP) theo Nghị quyết số 21/NQ\_ĐHĐCĐ ngày 11/11/2021. Đợt phát hành đã hoàn thành trong tháng 12/2021, nâng vốn điều lệ từ 588,5 tỉ đồng lên 653.888.890.000 đồng. C.P cũng là nhà đầu tư nước ngoài có tỉ lệ sở hữu hiện tại chiếm 24,90% trên vốn điều lệ của công ty

### 1.3 Hoạt động liên quan đến môi trường và xã hội:

Bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra giá trị cho xã hội, công ăn việc làm cho người dân, công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên, khí hậu, ... xung quanh công ty và trong khu vực. Bởi lẽ, môi trường là nơi để mọi cá thể sinh sống, làm việc; việc tác động xấu đến môi trường sẽ gây ra nhiều rủi ro cho công việc sản xuất kinh doanh của những cá thể trong đó. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng phát triển, các đối tác và người tiêu dùng bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Đặc biệt, các đối tác và khách hàng lớn của bản thân công ty là các nước phát triển như Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU... đều đòi hỏi những sản phẩm thật sự chất lượng, đúng quy cách, nghiêm ngặt từ khâu nuôi trồng, chế biến đến xuất khẩu.

Các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên của các doanh nghiệp cũng đang dần bị người tiêu dùng lên án. Mặt khác, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp dẫn đến giá tài nguyên tăng cao, hiệu quả công việc thấp hơn trong những khu vực bị ô nhiễm đã và đang ảnh hưởng sát sườn đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp buộc phải quan tâm tới các khía cạnh môi trường, hiệu quả sinh thái và năng lượng của từng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Ý thức được những vấn đề như trên, FMC có những biện pháp để bảo vệ môi trường, hướng đến một doanh nghiệp chất lượng, vừa là một phương pháp giữ vững hình ảnh thương hiệu FMC trong mắt khách hàng nội địa đến những đối tác nước ngoài:

- Áp dụng chuẩn ISO 14000 và chuẩn thực hiện nông nghiệp tốt - hệ thống chuẩn nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm, ít tác hại vào môi trường và an toàn cho lao động trong quá trình sản xuất, thu hoạch, chế biến nông phẩm; tạo ra được các sản phẩm có sức cạnh tranh tốt vào thị trường thế giới, nhất là ở các thị trường có tiêu chuẩn cao như Nhật, Mỹ và EU.
- Chính sách dùng vật liệu tái tạo được khuyến khích trong toàn bộ nhân viên. Sử dụng những vật liệu tái chế vừa có lợi cho môi trường, xã hội mà còn có lợi cho công ty như giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý, đầu tư hệ thống xử lý rác thải.
- Chủ động tìm nguồn nguyên liệu sạch: Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta hoạt động trong ngành nghề thực phẩm; do đó, vấn đề nguyên liệu đầu vào phải sạch là một vấn đề thách thức với doanh nghiệp nhưng cũng là một cơ hội để doanh nghiệp

xây dựng hình ảnh sản phẩm xanh, sản phẩm sạch trong mắt người tiêu dùng. FMC có một quy trình khép kín từ khâu nuôi trồng đến chế biến và đưa ra thị trường. Hệ thống dây chuyền sản xuất được đầu tư hiện đại, đủ khả năng tạo ra những thành phẩm tươi ngon, bảo đảm quy cách. Việc nuôi trồng thủy sản, nông sản cũng được chú trọng; luôn có những chuyên viên với trình độ chuyên môn cao đánh giá các sản phẩm theo những quy chuẩn quốc tế, hướng đến an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo đảm sức khỏe người tiêu dùng.

Đầu tư máy móc hiện đại không những đảm bảo năng suất, đáp ứng khối lượng hàng hóa xuất ra thị trường, mà còn là một biện pháp tiết kiệm những chi phí cố định như tiết kiệm điện, nước, chi phí sửa chữa, ... giảm phát thải ra môi trường, tiêu tốn nhiên liệu.

## 2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:

Trong năm, Ban TGD đã điều hành hoạt động đúng hướng HĐQT đã thông qua và có nhiều giải pháp linh hoạt, ứng xử kịp thời các tình huống như diễn tiến Covid-19, dịch bệnh trên tôm nuôi... TGD đã ban hành nhiều quy chế hoạt động và duy trì những quy chế đó để hoạt động chung ngày càng đi vào nề nếp tốt hơn.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

### 3.1 Nhận định 2022:

- Nhu cầu tôm, nhất là nhu cầu từ mảng dịch vụ sẽ tăng lên do Covid-19 đang chiều hướng suy tàn.

- Nguồn cung tôm có xu thế tăng do các nước nuôi tôm quy mô lớn đều có chính sách phát triển mạnh ngành tôm. Từ đó, giá cả tôm sẽ có xu hướng ổn định đến giảm nhẹ do sự cạnh tranh gay gắt và một số nước có lợi thế riêng như tôm giá rẻ ở Ecuador, Ấn Độ; tôm không thuế ở Hoa Kỳ của Indonesia; tôm không bị kiểm tra nghiêm ngặt ở Nhật Bản của Thái Lan và Ecuador.

- Tôm Việt có thể mạnh là trình độ chế biến sâu, tôm tập trung đi vào khúc thị trường cao cấp giảm áp lực cạnh tranh, tận dụng được cơ hội từ các FTA, nhất là EVFTA để gia tăng thị phần.

- Gần đây nhất, xung đột quân sự khu vực có thể tạo ra nhiều mối nguy cho nhiều lĩnh vực, trước tiên là giá dầu tăng sẽ khiến chi phí logistic không thể hạ nhiệt.

### 3.2 Sách lược công ty:

- Phát huy thế mạnh từ trình độ chế biến, các FTA đã có để xác định thế mạnh thị trường từng giai đoạn. Hiện nay, ngoài duy trì và phát triển tại thị trường Nhật Bản do các yếu tố là thị trường có khách hàng gắn bó lâu dài; mẫu mã sản phẩm phù hợp định hướng và năng lực của mình, Nhật Bản là thị trường gần giao hàng nhanh, thanh toán nhanh và an toàn, giảm thiểu rủi ro về thanh toán lẫn chi phí vận tải. Bên cạnh đó chú trọng khúc thị trường cao cấp thị trường EU và Anh. Từ sách lược thị trường, Sao Ta có giải pháp đồng bộ. Giải pháp căn cơ nhất là mở rộng vùng nuôi



đạt chuẩn thị trường EU yêu cầu, đó là ASC. Cho nên, một giải pháp lớn xuyên suốt của Sao Ta là thúc đẩy phát triển vùng nuôi để có nguồn nguyên liệu sạch và chứng minh được khách hàng là tôm Sao Ta được giám sát ngay từ ao nuôi.

- Coi trọng tranh thủ thời cơ kinh doanh, bởi nhu cầu thế giới có xu thế luôn tăng; bởi vùng nuôi tôm tại miền Tây luôn chú trọng nâng cao quy trình chế biến, tăng năng suất, sản lượng. Từ đó, Sao Ta có kế hoạch mở rộng quy mô chế biến và kinh doanh của mình.

- Sao Ta sẽ có chú ý mô hình quản trị trong mở rộng quy mô kinh doanh sao phù hợp, có lợi nhất. Lý do, ngành cung ứng thực phẩm có hệ số rủi ro không nhỏ. Sự chia nhỏ quy mô từng tổ chức chế biến, cung ứng sẽ giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động. Mặt khác, đây cũng là cơ hội cho đội ngũ nguồn sớm có cơ hội phát huy tốt hơn năng lực của mình. Song song, Sao Ta luôn chú trọng bồi dưỡng năng lực quản trị cho các cấp đồng thời chú trọng ứng dụng chuyển đổi số trong mọi mặt hoạt động của mình nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị và nâng cao năng suất trong hoạt động sản xuất.

HDQT sẽ có sự phối hợp nhịp nhàng Ban TGD để thực hiện sách lược, chiến lược đã đề ra trong từng thời điểm, giai đoạn sao có lợi nhất. Minh chứng, trong báo cáo của TGD đã có lồng nhiều nội dung báo cáo này nêu lên.

- Về tổ chức, sẽ cũng cố lại Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cũng như những nội dung cần thiết trong Điều lệ... sau khi Sao Ta có thêm cổ đông chiến lược. Thực hiện ngay trong đại hội này.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng quản trị:

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của HDQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hồ Quốc Lực	Chủ tịch	
3	Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch	
4	Phạm Hoàng Việt	Thành viên	Xem phần lý lịch Ban điều hành
5	Tô Minh Chăng	Thành viên	Xem phần lý lịch Ban điều hành
6	Nguyễn Văn Khải	Thành viên	Thành viên độc lập

### 1.1.1 Lý lịch Ông Hồ Quốc Lực – Chủ tịch HĐQT

Giới tính	Nam
Ngày sinh	07/05/1956
Nơi sinh	tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299)3822223
Trình độ học vấn	Tiến sĩ
Trình độ chuyên môn	Kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ 1983–1986	Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty Thủy sản XNK Hậu Giang
- Từ 1986–1991	Phó phòng Kế hoạch XI nghiệp đông lạnh II Hậu Giang
- Từ 1991–1992	Trưởng phòng Nghiệp vụ XI nghiệp đông lạnh II
- Từ 1992–1994	Phó Giám đốc Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
- Từ 1994–1996	Trưởng ban quản lý xây dựng cơ sở Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEXVN)
- Từ 1996–2003	Giám đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 2003–2006	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta, Chủ tịch Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP)
- Từ 2007–10/2009	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Tháng 10/2009–03/2018	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Tháng 04/2018 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	710.000



### 1.1.2 Lý lịch bà Nguyễn Thị Trà My:

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ TRÀ MY
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 10/05/1970
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Tầng 16 - Tòa ICON4 - 243A Đê La Thành - Hà Nội
- Số chứng minh nhân dân: 011816418, ngày cấp 20/09/2005, nơi cấp Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 024 3760 6190
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP CSC Việt Nam
  - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Tập đoàn PAN / Chủ tịch HĐQT Công ty CP PAN Farm / Chủ tịch HĐQT CTCP PAN-HULIC / Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
- Quá trình công tác:
  - Từ 1993 đến 1995: Trợ lý TGD Công ty International Business Advisor
  - Từ 1995 đến 2012: Giám đốc Tài chính kiêm Phó TGD Công ty Biomin Việt Nam
  - Từ 2007 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP CSC Việt Nam
  - Từ 2013 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
  - Từ 2016 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Tập đoàn PAN / Chủ tịch HĐQT CTCP PAN Farm / Chủ tịch HĐQT CTCP PAN-HULIC

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 67.000 cổ phần, chiếm 0,10% vốn điều lệ

### 1.1.2 Ông Nguyễn Văn Khải

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN KHẢI
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/11/1967
- Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP.HCM
- Số chứng minh nhân dân: 021680111
- Điện thoại liên hệ: 072.3829255
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Công nghiệp
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Thành viên HĐQT CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng Khoán SSI (SSI);
  - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế HXK Long An (LAF);
  - Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Thủy Sản Bến Tre (ABT)
  - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy Sản 584 Nha Trang;
- Quá trình công tác:
  - Từ 06/1994 đến 06/1995: Trợ lý Tổng Giám đốc - Công ty Liên doanh VU-TRAC
  - Từ 06/1995 đến 12/1996: Kỹ sư - Công ty Liên doanh VU-TRAC
  - Từ 12/1998 đến 05/2018: Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình; Phó Tổng Giám đốc - (Công ty CP Tập đoàn PAN)
  - Từ 11/1999 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty CP Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)
  - Từ 09/2013 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP XNK Thủy Sản Bến Tre (ABT)
  - Từ 04/2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Công Ty CP Thủy Sản 584 Nha Trang

- Từ 07/2014 đến nay                      Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Chế Biến HXK Long An (LAF)
- Hành vi vi phạm pháp luật:            Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân:                      0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

## 1.2. Các tiêu bản thuộc HĐQT: Không có

## 1.3. Hoạt động của HĐQT:

### - Các cuộc họp:

Trong năm HĐQT đã 9 lần họp lệ theo quy định và họp đột xuất theo yêu cầu của công việc. Nội dung các cuộc họp tập trung khảo sát nhận định đánh giá tình hình hoạt động trong kỳ để có giải pháp chu toàn hơn cho bước tiếp theo. Nhìn chung các nhận định trong năm có tính chính xác tốt. Qua đó phối hợp Ban TGD đã có những quyết sách vượt qua những khó khăn bất ngờ từ Covid-19, giảm tối đa thiệt hại và chủ động trong điều hành. Dẫn chứng như quyết định thu tằm sớm chạy dịch hai lượt cho hơn 2.000 tấn tằm thành công, không ao nào bị thiệt hại; như việc quyết định chuẩn bị cho phương án sản xuất 3 tại chỗ sớm 2 tuần trước khi Nam bộ thực thi chỉ thị 16 khiến việc đi vào sản xuất 3 tại chỗ sớm vào nề nếp, không bị động

### - Các nghị quyết:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/NQ.HĐQT.21	05/01/2021	Nghị quyết về kết quả đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An
02	02/NQ.HĐQT.21	05/01/2021	Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng để tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt 2.000 đ/CP và thực hiện quyền mua CP cho Cổ đông hiện hữu trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
03	03/NQ.HĐQT.21	26/01/2021	Nghị quyết về tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo dự thảo phân phối lợi nhuận 2020.
04	04A/NQ.HĐQT.21	24/02/2021	Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
05	04B/NQ.HĐQT.21	24/02/2021	Nghị quyết về chấp thuận các giao dịch liên quan với Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An.
06	05/NQ.HĐQT.21	05/03/2021	Nghị quyết về chào bán cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
07	05B/NQ.HĐQT.21	09/03/2021	Nghị quyết về điều chỉnh danh sách nhà đầu tư được phân phối số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa bán hết trong đợt phát hành cổ phiếu tăng tăng vốn điều lệ.
08	06/NQ.HĐQT.21	09/09/2021	cam kết điều chỉnh một số ngành nghề liên quan tỉ lệ NĐT nước ngoài và sẽ trình ĐHĐCĐ gần nhất thông qua việc điều chỉnh này
09	06B/NQ.HĐQT.21	09/09/2021	Ban hành quy chế công bố thông tin
10	08A/NQ.HĐQT.21	22/10/2021	Cam kết điều chỉnh ngành nghề in ấn



11	08B/NQ.HĐQT.21	22/10/2021	Thông qua các tờ trình về phương án phát hành và điều chỉnh một số ngành nghề trong lĩnh vực kinh doanh hiện tại của Công ty để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
12	09/NQ.HĐQT.21	12/11/2021	Chấp thuận các giao dịch có liên quan đối với cổ đông lớn và người có liên quan của họ
13	10/NQ.HĐQT.21	12/11/2021	Thông qua việc triển khai phương án chào bán và phát hành riêng lẻ năm 2021, phương án đảm bảo tỉ lệ sở hữu nước ngoài, thông qua NĐT chiến lược tham gia mua cổ phiếu riêng lẻ và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán.
14	11/NQ.HĐQT.21	13/12/2021	Điều chỉnh câu từ trong nội dung Nghị quyết số 10 liên quan đến NĐT nước ngoài

#### 1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của công ty. Năm 2021, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan; đã có sự hỗ trợ chung cho HĐQT, nhất là trong phân tích nguyện vọng nhà đầu tư và sự phối hợp các bên để có tiếng nói thống nhất, thúc đẩy hoạt động FMC theo hướng ổn định và bền vững hơn.

#### 1.5. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

#### 1.6. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty:

Không có

### 2. Ban kiểm soát (BKS):

#### 2.1. Thành viên và cơ cấu của BKS:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ năm giữ (%)
1	LƯU NGUYỄN TRÚC DUNG	Trưởng ban	0	0,0
2	VÕ VĂN SĨ	Thành viên	0	0
3	LÝ THÁI HÙNG	Thành viên	0	0

#### 2.2. Hoạt động của BKS:

##### 2.2.1 Nhận xét về công tác quản lý điều hành của công ty năm 2021

##### - Hoạt động của HĐQT

HĐQT đã tổ chức triển khai và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ tập trung vào các mục tiêu tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ, tuân thủ quy định pháp luật và điều lệ công ty đã được ĐHĐCĐ đề ra.

HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ theo qui định, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, để đưa ra các nghị quyết và quyết định kịp thời. Thông tin về các cuộc họp và Nghị Quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ đều được báo cáo về Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán được đầy đủ và đúng thời gian quy định.

#### - Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc (TGD)

Ban TGD đã phân công nhiệm vụ từng thành viên trong Ban TGD và cụ thể hóa các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT đến Ban TGD, các phòng ban của công ty; chỉ đạo điều hành trong các khâu tổ chức SXKD theo đúng mục tiêu và các chỉ tiêu đại hội đề ra.

Năm 2021 Ban TGD và các phòng, ban chuyên môn đã thực hiện đúng Nghị quyết của HĐQT, quy định của pháp luật Nhà nước và Điều lệ của công ty.

#### 2.2.2 Hoạt động của BKS trong năm 2021:

Trong năm 2021, BKS cũng đã xây dựng chương trình kế hoạch kiểm tra, kiểm soát hoạt động công ty, giám sát hoạt động điều hành của HĐQT, Ban TGD công ty trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ về các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 và có ý kiến trực tiếp về các vấn đề thuộc quyền hạn của BKS.

BKS phân công các thành viên nghiêm túc thực hiện tốt nhiệm vụ, nắm thông tin thường xuyên trao đổi, đánh giá tình hình hoạt động của công ty, để có các ý kiến kịp thời về tình hình SXKD của công ty. Trong năm BKS đã có 3 cuộc họp :

- Biên bản họp sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm 2021.
- Biên bản họp báo cáo hoạt động 9 tháng đầu năm 2021.
- Biên bản họp tổng kết hoạt động năm 2021 và kế hoạch công việc năm 2022.

BKS tổ chức họp để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của công ty; đồng thời, theo dõi sát sao thông qua việc trao đổi thường xuyên và đóng góp ý kiến trao đổi thông tin liên quan qua zalo, mail, điện thoại. Qua kết quả kiểm tra, kiểm soát được tổng hợp từ các báo cáo của các thành viên BKS. BKS không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tất cả các hoạt động của công ty điều tuân thủ đúng luật và hoạt động ở mức ổn định, bình thường.

#### 2.2.3 Kết quả giám sát tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

Việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán. Báo cáo tài chính năm 2021 của công ty đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của công ty và được trình bày các báo cáo theo quy định, phù hợp với các

Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành.

Báo cáo tài chính năm 2021 của công ty, thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty.

Ban kiểm soát thực hiện định kỳ xem xét, kiểm tra rà soát, phân tích các thông tin, số liệu trên báo cáo tài chính hàng quý của công ty; đồng thời xem xét báo cáo 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2021 đã được soát xét và kiểm toán cẩn trọng bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 tại Công ty Sao Ta đã thực hiện như sau:

#### 2.2.4 Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chủ yếu năm 2021:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch chung	Thực hiện		Tỷ lệ % TH/KH
			Riêng cty mẹ	Hợp nhất	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4,650	4,029	5,204	111.91%
2	Lợi nhuận trước thuế	250	237	289	115.60%
3	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	20%	20%		

- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021 (hợp nhất) đạt 289 tỷ đồng (đạt 115,60 % so với Nghị quyết).
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến 20% (đạt 100% so với Nghị quyết).

#### 2.2.5 Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát

Thực hiện giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Ban điều hành công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT công ty giao.

Ban kiểm soát giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 của HĐQT và Ban điều hành trong tổ chức thực hiện SXKD, tuân thủ nghiêm quy định của pháp luật và phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ hoạt động của công ty.

Qua giám sát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như: Điều hành bộ máy công ty, từ khâu tổ chức sử dụng nhân sự, tuyển dụng lao động đã đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện tốt các chính sách người lao động, chế độ lương, phụ cấp độc hại, trang cấp bảo hộ lao động đúng theo quy định hiện hành.

Đối với các phân xưởng sản xuất việc trang thiết bị, sửa chữa định kỳ đúng thời hạn phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật và việc vận hành thiết bị đúng theo quy trình, quy định, nên đã phát huy hiệu quả cao, trong quá trình sản xuất kinh doanh nên không xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động.

Việc tổ chức quản lý doanh nghiệp, đơn vị có ban hành các quy chế, quy định như: quy trình xuất, nhập vật tư, định mức sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng chặt chẽ đáp ứng cho yêu cầu phục vụ sản xuất.

Việc kiểm tra các sản phẩm trước khi nhập kho và xuất bán; công ty tổ chức theo đúng quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, nhưng vẫn hạn chế về năng lực và thiết bị tầm soát chất lượng sản phẩm.

#### **Nhận xét chung:**

Năm 2021 tiếp tục là một năm bị ảnh hưởng chung bởi dịch Covid-19, nhất là giai đoạn 6 tháng cuối năm, có thời điểm công ty phải tổ chức sản xuất 3 tại chỗ, chi phí thuê container tăng quá cao, chi phí nguyên phụ liệu đều tăng và phát sinh thêm chi phí kiểm soát dịch bệnh. Nhưng với sự nỗ lực, quyết tâm của HĐQT cùng với Ban TGD và toàn thể cán bộ công nhân viên. Công ty đã hoàn thành vượt chỉ tiêu về doanh số và lợi nhuận của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Hoạt động nuôi tôm trứng cả hai vụ nuôi, sản lượng thu hoạch trên 8.000 tấn, là năm nuôi tôm thành công nhất trong 10 năm theo đuổi nghề nuôi, lợi nhuận từ thu hoạch tôm tự nuôi tăng cao nhất trong ba mảng kinh doanh, mảng nông sản cũng góp phần tăng lợi nhuận chung cho công ty.

Nhà máy mới Tam An thuộc công ty thành viên Khang An chính thức đi vào hoạt động vào đầu năm 2022 chuyên chế biến hàng nông thủy sản phối chế, có nhiều sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu cho người tiêu dùng.

### **2.3 Phương hướng hoạt động thời gian tới của BKS.**

Trước tiên là thực hiện mục tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra năm 2022, BKS cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện và phân đầu làm tốt chức năng nhiệm vụ được cổ đông giao.

Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo công khai, minh bạch và cung cấp thông tin đến cổ đông khi có yêu cầu theo Luật định và Điều lệ hoạt động của công ty.

Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua, soát xét báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo bán niên, báo cáo hàng năm.

Kiểm tra, giám sát về lĩnh vực về đầu tư tài chính của công ty, thực hiện theo dõi về công tác tổ chức nhân sự, chất lượng nguyên liệu, thành phẩm, tình hình các phân xưởng, các khu nuôi tôm.

### **2.4 Kiến nghị**

Công ty cần đẩy nhanh tiến độ thi công nhà máy mới trong KCN An Nghiệp để kịp hoàn thành và đi vào hoạt động trong năm.

Tiếp tục mở rộng thêm vùng nuôi với diện tích 52 hecta, là dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh giao công ty thành viên Khang An, sẽ tranh thủ hoàn tất thủ tục sớm đưa vào khai thác trong năm, để có được thêm nguồn nguyên liệu sạch và khách hàng sẽ hài lòng khi sản phẩm công ty có nguồn gốc truy xuất rõ ràng.

Do công ty mở rộng qui mô sản xuất nên cần phải chú trọng tìm kiếm thêm khách hàng và đa dạng hóa sản phẩm chế biến sâu, tập trung tìm vào khúc thị trường cao cấp.

Về nhân lực HĐQT cần định hướng và xây dựng kế hoạch quy hoạch đội ngũ quản lý kế thừa, có chính sách đào tạo nguồn nhân lực trẻ và giữ chân người lao động bằng giải pháp tạo được môi trường làm việc và thu nhập tốt

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS:

#### 3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Chức vụ	ĐVT	Tổng thu nhập 2021
1	Hồ Quốc Lực	Chủ tịch HĐQT	Đồng	1.818.351.000
2	Nguyễn Thị Trà My	Phó chủ tịch HĐQT	Đồng	790.000.000
3	Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT, TGD	Đồng	1.873.001.000
4	Tô Minh Chăng	Thành viên HĐQT	Đồng	1.309.156.000
5	Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT	Đồng	518.000.000
6	Triệu Mai Lan	Thư ký HĐQT	Đồng	601.439.000
7	Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng BKS	Đồng	839.550.000
8	Võ Văn Sĩ	Thành viên BKS	Đồng	284.000.000
9	Lý Thái Hưng	Thành viên BKS	Đồng	441.102.000
10	Mã Ích Hưng	Phó TGD	Đồng	1.288.551.000
11	Hoàng Thanh Vũ	Phó TGD	Đồng	1.251.891.000
12	Đình Văn Thới	Phó TGD	Đồng	1.101.150.000
13	Lê Ngọc Hương	Phó TGD	Đồng	1.064.051.000
14	Dương Ngọc Kim	Phó TGD	Đồng	200.100.000
	<b>Tổng cộng</b>		Đồng	<b>13.380.342.000</b>

#### 3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hồ Quốc Lực		972.000	1,65%	710.000	1,09%	Bán 300.000 Mua 38.000

2	Dương Ngọc Kim	Vợ Hồ Quốc Lực	245.100	0,42%	0	0,00%	Bán hết
3	Hồ Hoa Đông	Con Hồ Quốc Lực	60.000	0,10%	0	0,00%	Bán hết
4	Phạm Hoàng Việt		308.068	0,52%	308.068	0,47%	
5	Triệu Mai Lan	Vợ Phạm Hoàng Việt	204.588	0,35%	54.588	0,08%	Bán 150.000
6	Đình Văn Thới		194.572	0,28%	144.572	0,22%	Bán 50.000
7	Nguyễn Như Diễm Quỳnh	Vợ Đình Văn Thới	33.904	0,06%	0	0,00%	Bán hết
8	Tô Minh Chăng		188.764	0,32%	8.764	0,01%	Bán 180.000
9	Mã Ích Hưng		75.400	0,13%	75.400	0,12%	
10	Ngô Kiều Phương	Vợ Mã Ích Hưng	1.290		1.290		
11	Hoàng Thanh Vũ		98.407	0,17%	7	0,00%	Bán 98.400
12	BCH ĐCS công ty	Ông Tô Minh Chăng làm Chủ tịch	450.000	0,76%	450.000	0,69%	
13	Nguyễn Thị Trà My		67.000	0,11%	67.000	0,10%	
14	Lưu Nguyễn Trúc Dung		24.000	0,04%	0	0,00%	Bán hết
15	Võ Văn Sĩ		0	0%	0	0%	
16	Lý Thái Hưng		0	0%	0	0%	
17	Lê Ngọc Hương		5.000	0,01%	5.000	0,01%	
18	Nguyễn Văn Khải		0	0,00%	0	0,00%	

### 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Bên liên quan	Mối quan hệ	ND nghiệp vụ	Số tiền (VND)
Công ty CP Tập đoàn PAN	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	35.113.460.000
		Phát hành cổ phiếu	76.348.550.000
		Mua hàng hóa	95.000.000
Công ty CP XNK TS Bến Tre	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	16.178.000.000
		Bán thành phẩm	3.242.039.250
Công ty CP Thực phẩm PAN	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	11.925.320.000
Công ty CP Chăn nuôi CP Việt Nam	Cổ đông lớn	Phát hành CP mới	326.944.450.000

Công ty CP Thực phẩm Khang An	DN thành viên do Công ty sở hữu trên 51%.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Góp vốn</li> <li>- Thu hộ tiền ủy thác</li> <li>- Bán tôm</li> <li>- Chi hộ</li> <li>- Cung cấp dịch vụ khác</li> </ul>	<p>180.400.000.000</p> <p>288.999.729.695</p> <p>61.211.476.950</p> <p>16.667.380.188</p> <p>107.194.343</p>
-------------------------------	---	--	--

### 3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện theo quy định về quản trị Công ty theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. Cụ thể tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (nghị quyết số 20/NQ ĐHĐCĐ ngày 16/04/2021) đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty, đồng thời ban hành các quy chế như Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế HĐQT, Quy chế BKS.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện các quy định liên quan đối với Công ty niêm yết không tránh khỏi những sai sót, chưa đáp ứng kịp thời như Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM đã có công văn nhắc nhở số 1410/SGD-NY ngày 28/10/2021. Công ty đã khắc phục các điểm tại công văn này. Điểm chưa khắc phục được là chưa thành lập được đơn vị kiểm toán nội bộ theo quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 do chưa đủ nhân sự theo yêu cầu. Hướng khắc phục là trong năm 2022, công ty sẽ thuê đơn vị chuyên nghiệp, Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán nội bộ tại công ty.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH: Tham khảo Phụ lục đính kèm.

1753  
CYC  
HÀ  
TA  
1.5C

6

Sóc Trăng, ngày 11 tháng 04 năm 2022

Đại diện pháp luật của công ty

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHẠM HOÀNG VIỆT**





## **PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM**

*(Báo cáo Tài chính 2021 hợp nhất đã được kiểm toán)*

# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1208

IGT  
JCP  
AO

ING



# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 35

# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2200208753 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên
Ông Tô Minh Chăng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên độc lập

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng ban
Ông Võ Văn Sĩ	Thành viên
Ông Lý Thái Hưng	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc	
Bà Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Dương Ngọc Kim	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2021

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hoàng Việt.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc   


Ông Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2022



Số tham chiếu: 61119180/22634183-HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập vào ngày 21 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Building a better  
working world

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



  
Nguyễn Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2018-004-1



Tôn Thiện Bảo Ngọc  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4177-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.150.121.694.079</b>	<b>1.221.006.445.462</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>769.592.318.292</b>	<b>268.186.019.385</b>
111	1. Tiền		380.655.331.543	95.376.734.831
112	2. Các khoản tương đương tiền		388.936.986.749	172.809.284.554
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>24.784.598.151</b>	<b>9.538.607.055</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	24.784.598.151	9.538.607.055
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>377.230.464.719</b>	<b>305.226.250.052</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	306.825.474.890	313.808.070.568
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	85.726.424.925	4.533.521.421
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	2.464.954.171	17.759.047.330
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 9	(17.786.389.267)	(30.874.389.267)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>940.772.095.796</b>	<b>608.296.710.838</b>
141	1. Hàng tồn kho	10	940.772.095.796	608.296.710.838
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>37.742.217.121</b>	<b>29.758.858.132</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	8.163.241.198	10.167.191.604
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	16	29.359.206.636	19.591.666.528
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		219.769.287	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>549.661.253.861</b>	<b>490.155.113.441</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>4.200.000.000</b>	<b>4.200.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		4.200.000.000	4.200.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>262.969.430.026</b>	<b>307.817.700.830</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	262.098.498.407	307.095.358.751
222	Nguyên giá		834.804.451.813	799.384.412.587
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(572.705.953.406)	(492.289.053.836)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	870.931.619	722.342.079
228	Nguyên giá		2.018.935.710	1.770.215.710
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.148.004.091)	(1.047.873.631)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>188.182.714.305</b>	<b>6.989.374.635</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	188.182.714.305	6.989.374.635
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>94.309.109.530</b>	<b>171.148.037.976</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	89.854.671.073	165.460.995.012
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	4.454.438.457	5.687.042.964
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.699.782.947.940</b>	<b>1.711.161.558.903</b>





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021


VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>723.028.145.089</b>	<b>630.014.419.183</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>713.095.458.589</b>	<b>619.648.166.683</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	97.885.903.666	50.803.800.873
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.910.114.832	6.171.653.659
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.127.047.371	18.053.678.103
314	4. Phải trả người lao động		120.234.355.847	36.458.025.798
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	59.222.577.758	48.085.824.328
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	5.804.796.586	5.096.823.842
320	7. Vay ngắn hạn	19	414.754.870.800	442.463.650.908
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	2.155.791.729	12.514.709.172
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>9.932.686.500</b>	<b>10.366.252.500</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	735.000.000	635.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	3.10	9.197.686.500	9.731.252.500
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.976.754.802.851</b>	<b>1.081.147.139.720</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21.1</b>	<b>1.976.754.802.851</b>	<b>1.081.147.139.720</b>
411	1. Vốn cổ phần		653.888.890.000	490.440.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		653.888.890.000	490.440.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		593.685.426.002	190.679.077.202
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		534.379.891.345	400.028.062.518
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối đến cuối năm trước		272.491.589.961	174.065.116.179
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		261.888.301.384	225.962.946.339
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		194.800.595.504	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.699.782.947.940</b>	<b>1.711.161.558.903</b>

  
Lý Thị Thu Hồng  
Người lập

  
Tô Minh Chăng  
Kế toán trưởng



  
Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng	22.1	5.204.375.249.570	4.433.233.896.745
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(5.270.395.580)	(18.016.708.010)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	22.1	5.199.104.853.990	4.415.217.188.735
11	4. Giá vốn hàng bán	23	(4.669.821.259.341)	(3.985.521.697.749)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		529.283.594.649	429.695.490.986
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	54.206.290.006	33.336.499.513
22	7. Chi phí tài chính	24	(33.362.463.102)	(22.641.581.774)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(14.458.382.847)	(13.928.784.662)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(197.034.411.564)	(146.544.353.997)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(67.321.304.029)	(57.710.537.637)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		285.771.705.960	236.135.517.091
31	11. Thu nhập khác		3.201.153.563	789.546.222
32	12. Chi phí khác		(10.636.156)	(398.198.041)
40	13. Lợi nhuận khác		3.190.517.407	391.348.181
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		288.962.223.367	236.526.865.272
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(640.230.713)	(13.181.733.928)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	(1.232.604.507)	2.617.814.995
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		287.089.388.147	225.962.946.339
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	21.1	267.038.168.334	225.962.946.339
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.1	20.051.219.813	-
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.4	4.677	4.007
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.4	4.677	4.007



Lý Thị Thu Hồng  
Người lập



Tô Minh Chặng  
Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>288.962.223.367</b>	<b>236.526.865.272</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	11, 12	83.200.760.835	76.882.111.328
03	(Hoàn nhập dự phòng) các khoản dự phòng		(533.566.000)	134.505.000
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.730.034.620	1.011.781.332
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(15.361.544.457)	(9.079.989.269)
06	Chi phí lãi vay	24	14.458.382.847	13.928.784.662
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>372.456.291.212</b>	<b>319.404.058.325</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(16.237.852.849)	(76.269.916.221)
10	Tăng hàng tồn kho		(332.475.384.958)	(30.586.405.468)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		145.274.119.782	(48.758.083.596)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		77.610.274.345	(68.674.228.421)
14	Tiền lãi vay đã trả		(14.416.542.787)	(13.919.778.490)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(14.031.733.928)	(6.703.636.324)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	20	(39.807.390.000)	(32.483.858.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>178.371.780.817</b>	<b>42.008.151.805</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(277.861.807.218)	(70.923.484.447)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		559.090.909	1.227.709.846
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(20.568.343.151)	(5.938.607.055)
24	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		5.322.352.055	5.016.255.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		46.265.345.233	-
27	Tiền thu lãi ngân hàng		13.762.742.981	9.770.852.850
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(232.520.619.191)</b>	<b>(60.847.273.806)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu	21.1	682.455.238.800	(33.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay	19	4.116.538.710.835	3.887.909.211.038
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(4.145.723.081.634)	(3.722.769.923.689)
36	Cổ tức đã trả	21.2	(98.088.000.000)	(122.610.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>555.182.868.001</b>	<b>42.496.287.349</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		501.034.029.627	23.657.165.348
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		268.186.019.385	244.106.573.376
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		372.269.280	422.280.661
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	769.592.318.292	268.186.019.385




  
\_\_\_\_\_

Lý Thị Thu Hồng  
Người lập

  
\_\_\_\_\_

Tô Minh Chăng  
Kế toán trưởng



  
\_\_\_\_\_

Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") Số 2200208753 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 4.150 (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 4.036).

**Cơ cấu tổ chức**

Công ty có một công ty con như trình bày bên dưới và đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty:

*Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An ("Khang An")*

Khang An là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2200780985, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19 tháng 8 năm 2020. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Khang An là chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản. Khang An có trụ sở chính đăng ký tại Lô B, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm giữ 51,54% vốn cổ phần và quyền biểu quyết trong Khang An (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 0% phần vốn cổ phần và quyền biểu quyết).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi cổ đông của Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được Nhóm Công ty ghi nhận với phương pháp như sau:

- |                                     |  |
|-------------------------------------|--|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa         | - kê khai thường xuyên, chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  |
| Thành phẩm                          | - kiểm kê định kỳ, giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - kiểm kê định kỳ, giá vốn nguyên vật liệu trực tiếp, bao gồm chi phí con giống và chi phí thức ăn   |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

37  
 T  
 P  
 H  
 T  
 1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
Phần mềm vi tính	3 - 6 năm
Tài sản khác	5 - 6 năm

**3.6 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm khi phát sinh.

**3.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Công cụ dụng cụ*

Công cụ dụng cụ với giá trị lớn xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn được hạch toán vào khoản mục chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng vào ngày 13 tháng 6 năm 2007, ngày 4 tháng 10 năm 2012, ngày 4 tháng 2 năm 2020 và ngày 4 tháng 3 năm 2020 trong thời hạn từ 48 - 50 năm; và
- Giá trị quyền sử dụng đất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn sau năm 2003.

Theo Thông tư 45, các khoản tiền thuê đất nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng còn lại.

**3.8 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

▶ *Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

**3.15 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.16 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Nhóm Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm. Trong đó, doanh thu thủy sản chiếm 97% trong tổng doanh thu. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh - thủy sản và khu vực địa lý - Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Nhóm Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM**

**4.1 Đại dịch Covid-19**

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)**

**4.2 Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An**

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 19 tháng 8 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 18 tháng 10 năm 2020, vào ngày 5 tháng 1 năm 2021, Công ty đã góp vốn bằng tiền là 58.672.571.401 VND và bằng tài sản là 121.727.428.599 VND vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An ("Khang An"), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2200780985, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19 tháng 8 năm 2020. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Khang An là 51,54% và Khang An là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	917.328.645	414.373.069
Tiền gửi ngân hàng	379.738.002.898	94.962.361.762
Các khoản tương đương tiền (*)	388.936.986.749	172.809.284.554
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>769.592.318.292</b>	<b>268.186.019.385</b>

(\*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3,2% đến 4%/năm. Như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*, Nhóm Công ty đã thế chấp các khoản tương đương tiền để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty.

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ sáu (6) tháng đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3,5% đến 4,9%/năm.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Amanda Seafood Private Limited	143.145.957.885	142.742.556.168
Mazzetta Company, LLC.,	44.952.263.360	45.241.249.560
Kyokuyo Company Limited	25.909.958.592	34.934.505.897
Bonamar Corporation	17.786.389.267	17.786.389.267
Các khách hàng khác	75.030.905.786	73.103.369.676
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>306.825.474.890</b>	<b>313.808.070.568</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(17.786.389.267)	(17.786.389.267)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>289.039.085.623</b>	<b>296.021.681.301</b>

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*, Nhóm Công ty đã thế chấp các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	77.025.637.556	4.533.521.421
- Công ty TNHH Anh Phát	28.881.237.550	-
- Công ty TNHH Tư vấn – Xây dựng Việt Kiến Tường	15.313.794.840	-
- Các bên khác	32.830.605.166	4.533.521.421
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	8.700.787.369	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>85.726.424.925</b>	<b>4.533.521.421</b>

**9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước lãi tiền gửi	1.660.861.732	621.151.165
Tạm ứng cho nhân viên	502.662.439	214.274.665
Chi hộ	300.430.000	3.834.621.500
Tạm ứng cho việc giải phóng mặt bằng Khu Công nghiệp Cái Cồn	-	13.088.000.000
Phải thu khác	1.000.000	1.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.464.954.171</b>	<b>17.759.047.330</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	-	(13.088.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>2.464.954.171</b>	<b>4.671.047.330</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	663.832.635.156	440.070.936.099
Hàng gửi đi bán	151.221.995.249	86.213.390.137
Nguyên vật liệu	71.098.212.879	37.189.976.994
Công cụ, dụng cụ và bao bì	53.855.493.936	34.253.122.172
Hàng mua đang đi trên đường	763.758.576	10.569.285.436
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>940.772.095.796</b>	<b>608.296.710.838</b>

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*, Nhóm Công ty đã thế chấp toàn bộ hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND					
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	237.551.358.074	492.311.490.075	50.647.642.192	11.988.388.701	6.885.533.545	799.384.412.587
Mua mới	9.667.159.646	5.690.884.587	8.762.441.548	265.379.091	-	24.385.864.872
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang hoàn thành	10.457.139.461	2.457.911.376	556.907.272	-	120.947.050	13.592.905.159
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	125.000.000	-	-	125.000.000
Thanh lý, xóa sổ	-	(1.778.968.900)	(904.761.905)	-	-	(2.683.730.805)
Số cuối năm	<u>257.675.657.181</u>	<u>498.681.317.138</u>	<u>59.187.229.107</u>	<u>12.253.767.792</u>	<u>7.006.480.595</u>	<u>834.804.451.813</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	58.834.195.455	176.467.301.295	6.065.746.420	5.275.390.005	6.301.673.045	252.944.306.220
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	133.591.360.607	322.542.368.798	21.826.411.633	8.093.103.513	6.235.809.285	492.289.053.836
Khấu hao trong năm	21.932.590.065	51.914.742.787	7.505.765.690	1.421.726.914	325.804.919	83.100.630.375
Thanh lý, xóa sổ	-	(1.778.968.900)	(904.761.905)	-	-	(2.683.730.805)
Số cuối năm	<u>155.523.950.672</u>	<u>372.678.142.685</u>	<u>28.427.415.418</u>	<u>9.514.830.427</u>	<u>6.561.614.204</u>	<u>572.705.953.406</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	<u>103.959.997.467</u>	<u>169.769.121.277</u>	<u>28.821.230.559</u>	<u>3.895.285.188</u>	<u>649.724.260</u>	<u>307.095.358.751</u>
Số cuối năm	<u>102.151.706.509</u>	<u>126.003.174.453</u>	<u>30.759.813.689</u>	<u>2.738.937.365</u>	<u>444.866.391</u>	<u>262.098.498.407</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)	-	21.247.444.261	1.874.250.000	-	279.525.984	23.401.220.245

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vì tính	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	1.085.118.900	485.595.610	199.501.200	1.770.215.710
Mua mới	-	248.720.000	-	248.720.000
Số cuối năm	<u>1.085.118.900</u>	<u>734.315.610</u>	<u>199.501.200</u>	<u>2.018.935.710</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết	-	264.615.610	199.501.200	464.116.810
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	362.776.821	485.595.610	199.501.200	1.047.873.631
Hao mòn trong năm	20.750.460	79.380.000	-	100.130.460
Số cuối năm	<u>383.527.281</u>	<u>564.975.610</u>	<u>199.501.200</u>	<u>1.148.004.091</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	<u>722.342.079</u>	-	-	<u>722.342.079</u>
Số cuối năm	<u>701.591.619</u>	<u>169.340.000</u>	-	<u>870.931.619</u>

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỒI DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Nhà máy Thủy sản Tam An	89.815.145.323	-
Dự án Nhà máy Thủy sản Sao Ta	81.906.423.769	3.424.599.091
Máy móc đang chờ lắp đặt	7.007.995.386	61.931.425
Văn phòng Khang An	6.903.432.727	-
Chi phí phát triển dự án nuôi tôm	1.847.257.951	1.624.150.171
Dự án kho lạnh	-	1.878.693.948
Khác	702.459.149	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>188.182.714.305</b></u>	<u><b>6.989.374.635</b></u>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	8.163.241.198	10.167.191.604
	8.163.241.198	10.167.191.604
<b>Dài hạn</b>		
Quyền sử dụng đất	89.854.671.073	165.460.995.012
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	69.833.279.214	70.156.041.676
Chi phí bảo trì tài sản cố định	19.058.508.161	75.234.635.471
Chi phí bảo trì tài sản cố định	962.883.698	2.691.007.103
Chi phí cải tạo ao	-	17.379.310.762
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>98.017.912.271</b></u>	<u><b>175.628.186.616</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Kyokuyo Company Limited	23.770.578.741	15.779.728.568
Công ty TNHH Văn Duy Anh	7.857.073.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội	5.231.111.200	-
Công ty TNHH Thủy sản Lê Minh	5.169.424.000	270.016.000
Công ty TNHH Bao bì Xuất khẩu & Thương mại Vạn Thành	4.173.050.145	4.994.752.290
Các bên khác	51.684.666.580	29.759.304.015
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>97.885.903.666</b>	<b>50.803.800.873</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số tăng trong năm</i>	<i>Số được hoàn trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	19.591.666.528	84.299.296.836	(74.531.756.728)	29.359.206.636
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	219.769.287	-	219.769.287
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.591.666.528</b>	<b>84.519.066.123</b>	<b>(74.531.756.728)</b>	<b>29.578.975.923</b>
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số tăng trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	4.871.944.175	14.745.437.075	(12.500.333.879)	7.117.047.371
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.181.733.928	640.230.713	(13.811.964.641)	10.000.000
Thuế tài nguyên môi trường	-	155.899.600	(155.899.600)	-
Khác	-	5.417.276	(5.417.276)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.053.678.103</b>	<b>15.546.984.664</b>	<b>(26.473.615.396)</b>	<b>7.127.047.371</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí thuế chống bán phá giá	43.901.958.218	41.641.340.582
Chi phí vận chuyển và cước tàu	4.256.643.384	1.111.831.846
Chi phí hoa hồng	1.613.150.607	1.101.647.131
Khác	9.450.825.549	4.231.004.769
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>59.222.577.758</u></b>	<b><u>48.085.824.328</u></b>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.804.796.586</b>	<b>5.096.823.842</b>
Kinh phí công đoàn	5.026.631.242	5.026.631.242
Khác	778.165.344	70.192.600
<b>Dài hạn</b>	<b>735.000.000</b>	<b>635.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	735.000.000	635.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.539.796.586</u></b>	<b><u>5.731.823.842</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm			VND Số cuối năm
		Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	
Vay ngân hàng (*)	442.463.650.908	4.116.538.710.835	(4.145.723.081.634)	1.475.590.691	414.754.870.800

(\*) Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	Số tiền (VND)	Nguyên tệ (USD)			
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng</b>					
Vay USD 1	195.507.600.000	8.530.000	Từ ngày 2 tháng 3 đến ngày 28 tháng 4 năm 2022	2,7	Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thương mại (Thuyết minh số 7) Hàng tồn kho (Thuyết minh số 10) Văn bản bảo lãnh số 306/VB.2020 trị giá 200.000.000.000 VND
Vay USD 2	132.798.480.000	5.794.000	Từ ngày 13 đến ngày 30 tháng 4 năm 2022	2,3	Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thương mại (Thuyết minh số 7) Hàng tồn kho (Thuyết minh số 10) Máy móc thiết bị (Thuyết minh số 11)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VAY NGẮN HẠN** (tiếp theo)

(\*) Công ty có các khoản vay ngắn hạn ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	Số tiền (VND)	Nguyên tệ (USD)			
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng</b>					
Vay USD 1	34.720.109.880	1.514.839	Từ ngày 21 tháng 2 đến ngày 13 tháng 5 năm 2022	2,7	Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng (Thuyết minh số 5)
Vay USD 2	20.141.460.000	880.000	Từ ngày 28 tháng 2 đến ngày 15 tháng 6 năm 2022	2 – 2,3	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 10) Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (Thuyết minh số 11) Ao nuôi tôm Tân Nam (Thuyết minh số 14)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng</b>					
Vay USD	25.853.760.000	1.128.000	Từ ngày 30 tháng 3 đến ngày 1 tháng 4 năm 2022	2,1	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 10)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế – Chi nhánh Cần Thơ</b>					
Vay USD	5.733.460.920	250.151	Ngày 14 tháng 2 năm 2022	2,4	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 10)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>414.754.870.800</b>	<b>18.096.990</b>			

## Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. QUỸ KHEN THƯỜNG VÀ PHÚC LỢI

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	12.514.709.172	10.501.924.471
Trích lập quỹ ( <i>Thuyết minh 21.1</i> )	29.448.472.557	34.496.642.701
Sử dụng quỹ	<u>(39.807.390.000)</u>	<u>(32.483.858.000)</u>
Số cuối năm	<u>2.155.791.729</u>	<u>12.514.709.172</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	490.440.000.000	190.712.077.202	257.605.758.880	-	938.757.836.082
Chi phí cho việc phát hành cổ phiếu mới	-	(33.000.000)	-	-	(33.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	225.962.946.339	-	225.962.946.339
Cổ tức công bố	-	-	(49.044.000.000)	-	(49.044.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(34.496.642.701)	-	(34.496.642.701)
Số cuối năm	<u>490.440.000.000</u>	<u>190.679.077.202</u>	<u>400.028.062.518</u>	<u>-</u>	<u>1.081.147.139.720</u>
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	490.440.000.000	190.679.077.202	400.028.062.518	-	1.081.147.139.720
Phát hành cổ phiếu	163.448.890.000	403.006.348.800	-	116.000.000.000	682.455.238.800
Góp vốn vào công ty con	-	-	-	53.599.508.741	53.599.508.741
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	267.038.168.334	20.051.219.813	287.089.388.147
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	(5.149.866.950)	5.149.866.950	-
Cổ tức công bố	-	-	(98.088.000.000)	-	(98.088.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(29.448.472.557)	-	(29.448.472.557)
Số cuối năm	<u>653.888.890.000</u>	<u>593.685.426.002</u>	<u>534.379.891.345</u>	<u>194.800.595.504</u>	<u>1.976.754.802.851</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu năm	490.440.000.000	490.440.000.000
Tăng vốn trong năm (*)	163.448.890.000	-
Số cuối năm	653.888.890.000	490.440.000.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố (**)	98.088.000.000	49.044.000.000
Cổ tức đã trả	98.088.000.000	122.610.000.000

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (“NQĐHĐCĐ”) Bất thường số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 10 năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 9.806.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 25.000 VND/cổ phiếu vào ngày 10 tháng 3 năm 2021. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty được tăng lên 588.500.000.000 VND theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 23 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Theo NQĐHĐCĐ Bất thường số 21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 6.538.889 cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược với giá phát hành là 50.000 VND/cổ phiếu vào ngày 28 tháng 12 năm 2021. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty được tăng lên 653.888.890.000 VND theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 24 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12 tháng 1 năm 2022.

(\*\*) Vào ngày 29 tháng 1 năm 2021, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền tại mức 20% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 5 tháng 1 năm 2021, phù hợp với NQĐHĐCĐ Thường niên 2020 ngày 12 tháng 6 năm 2020 và NQĐHĐCĐ Thường niên 2021 ngày 16 tháng 4 năm 2021.

**21.3 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	65.388.889	49.044.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.388.889	49.044.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.388.889	49.044.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.4 Lãi trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	267.038.168.334	225.962.946.339
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(29.448.472.557)
<b>Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)</b>	<b>267.038.168.334</b>	<b>196.514.473.782</b>
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	57.094.788	49.044.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.677	4.007
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.677	4.007

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán .

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2020 theo NQĐHĐCĐ Thường niên 2021 ngày 16 tháng 4 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 do chưa có NQĐHĐCĐ để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>5.204.375.249.570</b>	<b>4.433.233.896.745</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng thủy sản</i>	5.053.947.007.167	4.317.873.091.736
<i>Doanh thu bán hàng nông sản</i>	150.428.242.403	115.360.805.009
<b>Trừ:</b>		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(5.270.395.580)	(18.016.708.010)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>5.199.104.853.990</b>	<b>4.415.217.188.735</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng thủy sản</i>	5.048.676.611.587	4.299.856.383.726
<i>Doanh thu bán hàng nông sản</i>	150.428.242.403	115.360.805.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU** (tiếp theo)

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	39.403.836.458	24.668.691.692
Thu nhập tiền lãi	<u>14.802.453.548</u>	<u>8.667.807.821</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>54.206.290.006</u></b>	<b><u>33.336.499.513</u></b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng thủy sản	4.562.181.694.942	3.910.381.699.609
Giá vốn hàng nông sản	<u>107.639.564.399</u>	<u>75.139.998.140</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.669.821.259.341</u></b>	<b><u>3.985.521.697.749</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.904.080.255	8.712.797.112
Chi phí lãi vay	<u>14.458.382.847</u>	<u>13.928.784.662</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>33.362.463.102</u></b>	<b><u>22.641.581.774</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển	150.763.898.072	83.705.125.197
Chi phí hoa hồng	8.374.150.088	9.870.619.158
Chi phí nhân viên	6.098.152.763	3.620.463.387
Chi phí thuế chống bán phá giá (*)	2.366.562.382	18.137.514.232
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 17	44.007.902.964	-
- (Hoàn nhập chi phí đã trích trước) chi phí trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 16	(41.641.340.582)	41.641.340.582
- Hoàn nhập chi phí đã trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 15	-	(11.374.025.821)
- Hoàn nhập chi phí đã tạm ứng cho đợt rà soát hành chính lần thứ 13	-	(12.129.800.529)
Khác	29.431.648.259	31.210.632.023
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>197.034.411.564</b>	<b>146.544.353.997</b>

(\*) Đây là khoản chi phí thuế chống bán phá giá áp dụng cho các công ty xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ theo yêu cầu của luật thuế chống bán phá giá của Bộ Thương mại Mỹ được tính toán và thu bởi Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Mỹ trước khi hàng hóa được nhập khẩu vào Mỹ.

Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã hoàn tất thỏa thuận với bên Nguyên đơn để chấm dứt việc kiện chống Nhóm Công ty bán phá giá cho đợt rà soát hành chính lần thứ 14, lần thứ 15 và lần thứ 16. Theo đó, Nhóm Công ty chỉ phải trả chi phí thỏa thuận và không phải trả thêm bất kỳ chi phí thuế chống bán phá giá nào khác cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2018 đến ngày 31 tháng 1 năm 2021.

Thuế suất chống bán phá giá sau cùng áp dụng cho Nhóm Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được xác định. Do vậy, số thuế phải trả và chi phí thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Bộ Thương mại Mỹ.

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	53.857.070.211	37.150.655.525
Thuế và phí	6.943.733.817	6.423.458.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.261.421.248	4.019.661.601
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.168.286.069	1.288.078.923
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(12.927.094.000)	-
Khác	14.017.886.684	8.828.683.248
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>67.321.304.029</b>	<b>57.710.537.637</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	4.523.312.555.384	3.750.462.293.712
Chi phí nhân viên	605.708.431.414	436.519.752.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	235.111.419.239	156.430.909.804
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	83.200.760.835	76.882.111.328
Khác	149.942.180.027	165.115.803.590
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.597.275.346.899</u></b>	<b><u>4.585.410.871.421</u></b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Từ năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty áp dụng Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, hướng dẫn về thuế TNDN và Công văn số 1327/CT-TTr từ Cục thuế Tỉnh Sóc Trăng ngày 1 tháng 12 năm 2015. Chi tiết như sau:

- ▶ Đối với hoạt động nuôi trồng, chế biến hàng nông sản và thủy sản ở vùng đặc biệt khó khăn, Nhóm Công ty được miễn thuế TNDN trong suốt thời gian hoạt động; và
- ▶ Đối với hoạt động nuôi trồng, chế biến hàng thủy sản ở vùng khó khăn, Nhóm Công ty được hưởng thuế suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	640.230.713	13.181.733.928
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	1.232.604.507	(2.617.814.995)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.872.835.220</u></b>	<b><u>10.563.918.933</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>288.962.223.367</u></b>	<b><u>236.526.865.272</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	57.792.444.673	47.305.373.055
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	40.089.797	144.238.271
Thuế TNDN được miễn giảm	(55.959.699.250)	(36.885.692.393)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>1.872.835.220</u></b>	<b><u>10.563.918.933</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**28.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Trích trước chi phí thuế chống bán phá giá	3.614.287.346	4.164.134.058	(549.846.712)	3.026.731.476
Dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả	790.562.550	973.125.250	(182.562.700)	13.450.500
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	49.588.561	16.191.977	33.396.584	(355.727.785)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	533.591.679	(533.591.679)	(66.639.196)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b><u>4.454.438.457</u></b>	<b><u>5.687.042.964</u></b>		
<b>(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b><u>(1.232.604.507)</u></b>	<b><u>2.617.814.995</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam	Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 12 năm 2021)	Phát hành cổ phiếu mới	326.944.450.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Cổ đông lớn	Phát hành cổ phiếu mới	176.348.550.000	-
		Chia cổ tức	35.113.460.000	17.556.730.000
		Mua hàng hóa	95.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	16.178.000.000	8.089.000.000
		Bán hàng	3.242.039.250	6.412.380.100
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Cổ đông lớn (đến ngày 20 tháng 5 năm 2021)	Chia cổ tức	11.925.320.000	5.962.660.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</b>				
Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam	Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 12 năm 2021)	Mua hàng	8.700.787.369	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch HĐQT	1.818.351.000	2.461.558.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT	790.000.000	1.240.000.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT		
	kiểm Tổng Giám đốc	1.873.001.000	2.548.433.000
Ông Tô Minh Chăng	Thành viên HĐQT	1.309.156.000	1.640.463.000
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT	518.000.000	168.000.000
Ông Đặng Kiệt Tường	Thành viên HĐQT	-	500.000.000
Bà Triệu Mai Lan	Thư ký HĐQT	601.439.000	653.993.000
Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng BKS	909.550.000	622.310.000
Ông Nguyễn Văn Nguyễn	Cựu trưởng BKS	-	400.000.000
Ông Võ Văn Sĩ	Thành viên BKS	394.000.000	673.420.000
Ông Lý Thái Hưng	Thành viên BKS	441.102.000	304.008.000
Ông Triệu Tương Long	Thành viên BKS	-	851.835.000
Ông Chung Thanh Tâm	Thành viên BKS	-	300.000.000
Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc	1.358.551.000	1.544.258.000
Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	1.251.891.000	1.409.288.000
Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc	1.101.150.000	1.388.262.000
Bà Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc	1.064.051.000	597.285.000
Bà Dương Ngọc Kim	Phó Tổng Giám đốc	360.100.000	1.403.373.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>13.790.342.000</b>	<b>18.706.486.000</b>

**30. CÁC CAM KẾT**

**Cam kết cho thuê hoạt động**

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.399.908.941	1.840.389.420
Trên 1 – 5 năm	9.599.635.764	7.361.557.680
Trên 5 năm	96.232.607.859	78.334.638.744
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>108.232.152.564</b>	<b>87.536.585.844</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**

*Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn*

Nhóm Công ty có ký kết các hợp đồng thi công công trình và mua sắm máy móc thiết bị cho với nghĩa vụ cam kết trong tương lai được thể hiện như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án nhà máy chế biến thủy sản	139.933.760.829	4.200.000.000
Dự án văn phòng	4.390.731.000	-
Máy móc đang chờ lắp đặt	352.162.250	-
Dự án kho lạnh	-	459.925.455
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>144.676.654.079</b>	<b>4.659.925.455</b>

**31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
Đô la Mỹ (USD)	1.023.550	2.349.638
Yên Nhật (JPY)	1.121.482	764.243
Euro (EUR)	167	178
Nợ khó đòi đã xử lý (VND):		
Các khoản phải thu khác	1.299.390.000	1.299.390.000

**32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 21.2, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

		
Lý Thị Thu Hồng Người lập	Tô Minh Chăng Kế toán trưởng	Phạm Hoàng Việt Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2022